

由來鵝蹀久相持
底事尋滄未了時
半梳黃梁驚夢後
前塵回首事皆非

碧峯

LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN



SỐ 10 NĂM THỨ MƯỜI



LIÊN-HOÀ

nguyệt - san

Chủ-nhiệm : THÍCH ĐÓN-HẬU

Tổng Thư-Ký: THÍCH-ĐỨC-TÂM Quản-lý: THÍCH NỮ DIỆU-KHÔNG

Tòa-Soạn : 66, Chi-Lăng — Hộp thư 24 Huế

P. L. 2508. — Rằm Tháng 10 Năm Giáp-Thìn (18-11-1964)

Ước vọng của Phật-Giáo Việt-Nam
Thông-điệp của Đức Tăng-Thống

Liên-Hoa

Pháp-thân và Ứng-thân ✓

Tịnh-Như

Thơ chữ Hán (thơ)

Bích-Phong

Bác Đức và Bác Cháu

Ủy-Khanh

Cảm-niệm

Quân-nhân Phật-Tử

Trái phiên-não (thơ)

Tường-Phong

Phỏng vấn Đại-đức Sangharakshita
tại Hy-Mã-Lạp-Sơn

Thích Thiện-Châu

Bức thư vui

Lan hoa Tu nữ

Gửi khách Thiền-Môn (thơ)

Tương-Phổ

Bí-mật của Phật-Giáo

Quang-Anh (địch)

Vườn thơ Đạo Lý

Nguyễn-Hạnh

Thông-tư về cứu trợ nạn lụt của Ban
Đại-diện G. H. P. G. T. T.

Tin tức

Hộp-thư

Giá báo một năm :

● Trong tỉnh : 110\$ — Ngoài tỉnh : 120\$

● Công-sở và ngoài-quốc 240\$.



Trận bão lụt vừa rồi ở Trung-Phân, nhất là các tỉnh QUẢNG - NAM, QUẢNG-TĨN, ĐÀ - NẴNG và QUẢNG - NGÃI, trên 7 NGÀN NGƯỜI THIẾT MẠNG, sản vật hư hại không thể kể xiết. Hiện nay hàng triệu người đang thiếu ăn, thiếu mặc, nhà cửa tan nát, bà con thất lạc, bệnh tật bắt đầu hoành hành, tình cảnh thật vô cùng bi thảm...

Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi toàn thể Phật-Tử trong và ngoài nước, hãy bớt phần ăn tiêu, bớt giờ nghỉ ngơi, góp công, góp của, tích cực tham gia vào BAN CỨU TRỢ NẠN LỤT do Tổng-Vụ Pháp-Sự hoặc các Giáo-Hội Phật-Giáo các tỉnh tổ-chức.

LIÊN-HOÀ N.S.

ƯỚC VỌNG

của **PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM**

LIÊN-HOÀ

RẤT nhiều người vô tình hay cố ý đã hiểu sai chủ trương đường lối của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam. Do đó, có những luận điệu phản tuyên truyền, làm cho những Phật-giáo-đồ chân chính rất lấy làm khó chịu. Người ta đã gán cho Phật-giáo Việt-Nam những nhãn hiệu nguy tạo, vô lý, những tham vọng đen tối, tầm thường hơn cả những người trần tục, chẳng hạn, người ta bảo Phật-giáo muốn trở thành độc tôn, khuynh loát các tôn-giáo khác, Phật-Giáo đang vận động tham chính, đưa người vào chính-phủ; Phật-giáo nhận hàng triệu Mỹ-kim của Mỹ, vân vân và vân vân...

Thật ra, cuộc vận động của Phật-giáo năm vừa qua và bây giờ vẫn còn theo dõi chỉ nhắm mục đích **tự-do tín-ngưỡng bình-đẳng tôn-giáo, công-bình xã-hội**. Và khi đã thực hiện được những mục tiêu trên, thì người Phật-tử chân chính chỉ mong

được yên ổn để trở về nếp sống bình thường, chuyên tâm tu học, hầu đem lại lợi ích thiết thực cho người và cho mình.

Đấy, mục tiêu của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam chỉ giản dị có thế.

Nếu trong thực tế, từ cấp lãnh đạo cho đến cán bộ hạ tầng, từ Tăng-già cho đến Cư-sĩ, có những ai vì tham vọng cá nhân, hay vì mê mờ, mà đi sai đường lối chung của Phật-giáo, thì chính những người ấy đã phản lại chủ trương đường lối của Giáo-hội, và dù cho họ có tự xưng là gì đi nữa, ở một địa vị lớn lao chăng nữa, họ cũng không phải là Phật-tử chân chính. Nếu có những ai vô tình hay cố ý để cho kẻ khác lợi dụng mua chuộc, hoặc vì tình cảm riêng tư, nâng đỡ, che chở cho kẻ có tội với nhân dân, hoặc vì quyền lợi, cấu kết với bọn đầu cơ chính trị, thì những kẻ ấy, dù cho đang ở cấp lãnh đạo nào đi nữa, cũng là những kẻ đã phản lại Hiến-chương Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất, phản lại giới luật cùng truyền thống của Phật-giáo.

Và bởi vậy, người Phật-tử cần phải chặn đứng những hành động phản bội ấy, để bảo vệ Đạo Pháp, bảo vệ thanh danh của Giáo-hội và của Phật-giáo ĐỒ VIỆT-NAM.

Thông Điệp

CỦA ĐỨC TĂNG-THỔNG GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỔNG-NHẤT

Kính gửi Phật-giáo-đồ Việt-Nam,

Hiện thời quả thực Phật-giáo V.N. đang bị «sức mạnh bạo động» đe dọa. Quan trọng hơn nữa, chúng ta cũng đã thấy sức mạnh ấy bị dân chúng trả lời như thế nào.

Tuy nhiên, Phật-giáo-đồ chúng ta biết rằng sức mạnh bạo động nếu được đối phó bằng sức mạnh bạo động thì đó không phải là «đức tính vô úy» của Phật-giáo.

Đức tính vô úy dạy chúng ta biết thản nhiên trước những kế hoạch tấn công và hãm hại Phật-tử, biết khoan hồng đối với những kẻ đã đàn áp Phật-giáo, biết bình tĩnh xây dựng Phật-pháp để phục vụ dân-tộc và nhân-loại.

Đức tính vô úy dạy ta tìm danh dự trong sự nhường nhịn và đoàn kết, can đảm đặt tin cậy vào chính những kẻ mà trên bình diện thường tình ta không thể tin được. Nói tóm, chính đức tính vô úy dạy chúng ta biết đem cái chết của mình để thánh hóa cái sống của Phật-pháp.

Đức tính vô úy, như vậy, chính là «sức mạnh bất bạo động». Chỉ có sức mạnh bất bạo động mới đối phó với sức mạnh bạo động một cách hiệu quả và sâu rộng, lịch sử vận động của Phật-Giáo VN đã chứng minh như vậy, trước thế-giới và trước dân-tộc.

Do đó, tôi thành kính gọi lại và đề cao sức mạnh bất bạo động — «sức mạnh Quảng-Đức» — cầu nguyện cho mọi tầng lớp Phật tử cố thủ truyền thống của sức mạnh đó, làm cho ánh sáng từ-bi chói tỏa trong lòng mọi người, bạn cũng như thù, thân cũng như sơ.

Tôi ước mong Phật-giáo-đồ VN lưu tâm những lời chân thành của tôi. Sự lưu tâm đó phải đi đến một sự nỗ lực thực hiện như một cuộc vận động mới, sau hai cuộc vận động vừa qua — một cuộc vận động nhằm mục đích đặt danh dự của Phật-giáo V.N. vào sự khoan hồng, nhường nhịn và đoàn kết.

Cuộc vận động mới này sẽ không những vô cùng cần thiết cho Tổ-Quốc mà còn cho chính Phật-giáo VN trong hoàn cảnh hiện tại.

Phật-lịch 2.508,

Saigon, ngày 1 tháng 11 năm 1964.

H.T. THÍCH TỊNH-KHIẾT

Pháp-thân và Ứng-thân

TINH-NHU

NHU chúng ta đã bàn trong số trước, quan niệm KHỔNG của Phật-giáo là một quan niệm biểu lộ giá trị Siền-việt của thực tại. KHỔNG không phải là chấm dứt, tiêu-liệt, đoạn diệt, cũng không phải là hư-vô trống rỗng. KHỔNG là thực tại toàn diện, toàn thể, mà ý niệm không thể suy đạt được.

Thế giới mà chúng ta đang sống, đang cảm xúc, đang tri-giác và đang suy-luận chỉ là thế giới của cảm xúc, tri giác và suy luận mà thôi. Rời những thứ đó ra, thế-giới phi ảo và biến động kia không thể nào hiện hữu được. Và ngược lại, nếu không có những hiện tượng bên ngoài, thì mọi cảm xúc, tri giác của ta v.v... cũng không thể nào hiện hữu được. Thế nên, thế giới hiện tượng càng thế-giới chủ thể của ta đều nương tựa vào nhau mà xuất hiện. Và chúng ta sống là sống trên những giả huyền bành bồng đó và bị trôi buốc trong những giới hạn đó. Vì vậy mà mắt không vượt ra khỏi giới hạn của màu sắc, hình thể; tai không vượt ra khỏi giới hạn của âm thanh ba động; ý thức không vượt ra khỏi giới hạn của các đối tượng mà ta suy tưởng. Thành ra, sống trong thực tại KHỔNG, một thực tại bao quát, phong phú, tràn đầy mà chúng ta chỉ biết gặp những giả-ảnh biến động. Vì mê vọng, chúng ta an nhiên làm thực tại chẳng khác nào anh chàng đau mắt trông lầm sợi dây thành con rắn.

Chỉ có thoát ly mọi ý-niệm sai biệt mới giúp ta hội nhập vào thực tại viên mãn đó. Và Phật là gì? Phật chính là thực tại đó chứ không gì khác. Phật với thực tại KHỔNG đó là một. Và cũng trong ý nghĩa đó, Phật với ta là một, là toàn thể thực tại vô hạn, vô cùng.

Vì Phật với thực tại KHỔNG là một, cho nên không ở đâu là không Phật, không Giác tính, nên gọi là Pháp thân.

Vậy Pháp thân Phật là toàn thể thực tại viên mãn và cũng là toàn thể thực tại biến động. Vì viên mãn hay biến-động cũng đều là thực tại. Viên-mãn, khi ta nhìn dưới ý-nghĩa giác-ngộ tuyệt đối và biến động khi ta nhìn dưới ý-nghĩa mê vọng thông thường.

Nếu chúng sanh có thể đi từ mê vọng trở lại chân không, thì Đức Phật, với diệu-dụng, cũng có thể khởi từ chân-như thường - trú đi vào mê-vọng của chúng sanh. Tại sao như vậy? Vì thực-tại biến-động với thực-tại toàn-giác là một. Chỉ có chúng ta mê-vọng nên mới thấy thực tại biến-động đó thôi. Như trên đã nói, chúng ta sống là sống bồng bềnh trên những giả-tướng của thực tại chân thật chứ không thể bắt gặp được thực tại chân thật. Và tùy theo tri giác, nhận thức của chúng ta mà thực tại hiện ra thế này thế nọ. Cùng một cái bầu chẳng hạn mà chúng ta thì xem như vật để viết, trong lúc loài một có thể xem như một môi-trường sinh-hoạt, đi lại tự-do.

Cho nên, Đức Thích-Ca sinh ở Ca-tỳ-la-vệ, thuyết pháp tại vườn Lộc-uýển, nhập diệt nơi rừng Sa-la là Đức Thích-Ca được « nhìn ngắm » dưới đôi mắt của chúng ta bằng hình ảnh của một Con Người trang nghiêm phước tướng. Trái lại một Đức Thích-Ca thuyết-pháp tại Long-cung có thể được « nhìn ngắm » khác đi dưới đôi mắt của loài rồng, cá. Những Đức Thích-Ca đó là những Đức Thích-Ca do tri-giác của ta mà biến hiện, đều giả-huyễn và mê-vọng. Ngài từ thực tại chân-thật tùy thuận ứng-hiện vào thực tại biến động. Mỗi loài sẽ nhìn Ngài tùy theo nghiệp-lực của loài đó. Đức Phật Ứng hiện như vậy gọi là Ứng thân.

Cho rằng đấng Đại-giác Thích-Ca Mâu-Ni sinh ra, lớn lên, xuất-gia thành-đạo và nhập-diệt là thực-hữu thì quả thật sai lầm, vì đó chỉ là Ứng thân giả-tướng chứ không phải là Pháp thân thường trú. Nhưng cho rằng ngoài Ứng thân còn có một Pháp thân thì cũng còn ngộ-nhân, vì Ứng thân với Pháp thân chỉ là một, không hai không khác. Cũng như sóng không khác nước, thực tại biến động không khác thực tại chân không. Có khác hay không là tùy ở sự mê ngộ của chúng ta vậy.

由來鵝蹕久相持
底事尋滄赤了期
半梳黃梁驚夢後
步塵回首事皆非

碧峯

Do lai duật bạn cửu tương trì
Đề sự tang thương vị liễu kỳ
Bán chằm Hoàng-lương kinh mộng hậu
Tiền trần hồi thủ sự giới phi.

Bích-Phong

DỊCH:

*Cò bên giếng cơ gấm nức cười.
Bè dàu đồn đập mấy phen rồi.
Kẻ vàng nửa gói bưng đời mắt,
Còn mắt bơn thua cũng chuyện đời.*

BÍCH-PHONG



Bác Đức

VÀ

Bác Cháu

THÂN TẶNG ANH EM TRONG LIÊN ĐOÀN XÍCH LÔ, KHUÂN
VÀO VÀ BÀN RONG CÙNG NÔNG DÂN PHẬT TỬ

của ỦY-KHANH

TRĂNG rằm vừa ló dạng
thì bác Cháu đan chiếc rổ tre
cũng vừa xong. Bác ra chông
trước sân nằ òi nghỉ mát. Thoảng
thấy bóng bác Đức đi dạo
ngang công, bác Cháu cất tiếng
gọi mời :

— Bác vào chơi cái đã, đi
đâu vắng cả buổi chiều ?

Bác Đức là ông láng giềng
thân thiết với bác Cháu, vừa
từ chùa làng cạnh trở về, nhanh
nhẩu đáp :

— Tôi đi chùa quy-y về đây.

Bác Cháu hỏi ngớ ngẩn :

— Bên chùa có nấu thuốc
cao quy à ?

Một chuỗi cười dài phá lên,
bác Đức nôn cả ruột :

— Uy trời, bác đùa phải
không ? chùa gì lại nấu cao quy
bao giờ ? Đừng nói bậy phải
tội. Quy y là làm lễ phát nguyện
thờ Phật, trọn đời theo Phật.

— Bác Cháu càng thêm ngo
ngác, không rõ sao bạn lại cười
mình và bảo mình nói bậy :

— Thi quy là rùa, y là thuốc,
là cao quy chứ còn gì nữa ?

Bác Đức lại cười sằng sặc :

— Không phải nghĩa đó.
Quy y đây là quy y Phật,
quy y Pháp, quy y Tăng, tức
là quy y Tam-Bảo. Quy là trở
về: từ trước đi con đường sai

lầm nay trở về con đường chánh, từ trước mê tín dị đoan theo bạn bè xấu ác, nay trở về với sự thật, với các bậc sáng suốt, hiền đức. Y là nương theo và sống theo gương mẫu của Tam-bảo, từ lời nói, ý nghĩ đến việc làm, nhất nhất noi theo Đức Phật, không theo ma quỷ đồng bóng, noi theo Pháp của Đức Phật, không theo tà thuyết của ngoại đạo, noi theo Tăng là quý thầy xuất gia đức hạnh không theo các bạn bè độc ác có hại.

Cố chăm chú nghe, nhưng bác Châu vốn là một nông dân ở chốn rẫy bãi quê mùa chất phác, lam lũ làm ăn, ít khi đi ra nên chưa hiểu biết được nhiều, bác cũng gật gù tỏ vẻ « thông cảm », nhưng trong trí còn nghi hoặc, bác chép miệng:

— Bữa nay bác nói hay quá! Bác mới học trên chùa đó phải? Nhưng mà tôi vẫn thấy khó hiểu quá. Như tôi đây, lâu nay lương thiện làm ăn, có ác độc chỉ với ai đâu mà phải quy y. Như bác giải thích đó, thì kẻ ác độc mới cần quy y, còn

người lương thiện cần chi phải quy y nữa bác?

Võ vai bạn, bác Đức ôn tồn giải đáp:

— Bác lầm rồi. Minh chủ quan cho mình là hoàn toàn đó thôi. Kỳ thật ở đời ai cho khỏi sai lầm tội lỗi, tự gây cho mình và cho kẻ khác những phiền não và đau khổ, tạo ra ác nghiệp để mang lấy quả báo. Vì vậy cần quy y Phật để đổi mới cuộc đời đem vui cứu khổ, tạo lấy thiện nghiệp để hưởng quả lành.

Bác Châu gật đầu ra dáng suy nghĩ nhiều, bác cắt gọng lý luận:

— Bác nói hay đó, nhưng tại sao không quy y đạo gì khác mà phải quy y Phật giáo?

Bác Đức ngập ngừng, có vẻ hơi lúng túng trước câu chất vấn bất ngờ, bác uống ngụm nước chè xanh, rồi thông thả trả lời câu hỏi hóc búa:

Quy y đạo Phật để tu tập thời mới đủ mạnh để diệt trừ nguồn gốc của đau khổ và tội ác tức là tham, sân, si, ba nghiệp

ác lớn nhất. Quy y đạo Phật mới có đầy đủ phương-pháp để tự giải thoát và giúp kẻ khác cùng giải thoát. Chắc bác đã nhận thấy sức mạnh của những Tăng Ni, và Phật tử trong cuộc đấu tranh Phật giáo vừa qua. Đó là sức mạnh của tinh thần Bi, Trí, Dũng, không khiếp sợ trước cuồng vọng đảo điên, cương quyết diệt khổ đem vui cho mình và cho mọi người.

Nghe đến đây, bác có vẻ đăm chiêu nhìn giữa hư vô, bỗng bác reo lên, nói băng qua chuyện khác:

— Nói thực tế vậy là tôi hiểu được rồi đó. Cái bát hương của ông bà nhà tôi khỏi trúc là nhờ cuộc tranh đấu Phật-giáo. Ủi lạ thật, Phật-giáo cũng tranh đấu cho ông bà à! Tại sao vậy?

Bác Đức phì phào vài hơi thuốc lá Cẩm lệ, tươi cười giải thích:

— Thì tại sao nữa, tại vì Đạo Phật tôn trọng tổ tiên ông bà gia tộc v. v... Ngày đại lễ Vu-Lan rằm tháng bảy chính là

ngày « xá tội vong nhân » cầu nguyện cho tổ tiên ông bà được siêu thoát. Cũng chính vì vậy, mà những kẻ làm con cháu muốn trọn đạo hiểu với tổ tiên và cha mẹ thì đều cần phải quy y Phật, để bồi bổ cho tinh thần thờ phụng tổ tiên càng thêm đúng hướng và hợp lý, lợi lạc thực sự cho tiền nhân được siêu thoát.

Bác Châu vỗ tay gọi bác gái:

— Mụ ơi, ra mà nghe bác Đức « thuyết pháp ». Phải mà, thờ ông bà mà không quy y đầu Phật, thì không phải là hiểu thảo hoàn toàn. Phải quá mà! Nhờ bác nói cận kề bữa, nay tôi mới rõ.

Bác Châu gái nghe gọi chạy ra sân đứng lắng nghe câu chuyện rồi thêm vào một câu:

— Bỏ nó thấy chưa, bao giờ cũng vậy, muốn cúng vái ôn mẹ cho có lòng thì ai cũng lo tụng kinh Phật cầu nguyện cho được siêu thoát, vậy là mình phải phát tâm quy y thì tụng kinh cho ông bà mới thấu đáo

cho. Tôi cứ nói mãi mà Bồ nó không chịu hiểu cho.

Bác Đức khen vùi:

— Chà, bác gái chóng hiểu quá! Kể ra quy y lợi ích nhiều bề khác nữa. Quy y là để định hướng mà đi cho đúng đường, cho khỏi sai lạc. Nhắm đức Phật từ bi hỷ xả làm đích, lấy Phật Pháp làm ngọn đuốc soi đường, tuân theo sự điều dắt của đoàn thể Tăng Ni trên đường giải thoát, để cùng nhau với đại gia đình con Phật xây dựng an lành cho hiện tại và tương lai. Tóm lại, quy y là đổi mới một lối sống, để sống mạnh, sống vui trong một cuộc sống có ý nghĩa lợi mình lợi người, đồng tiến đến chân hạnh phúc, loại bỏ ác nghiệp, gieo rắc giống lành.

Bác Cháu hỏi:

— Quy y như vậy có phải bị bắt buộc điều chi không?

Uống thêm ngụm nước, và liếc nhìn mảnh trăng tròn đang lên quá ngọn cây, bác Đức vui vẻ đáp:

Sao lại không? Đã quy y thì phải thọ giới, giữ giới để mà giải thoát được các tội lỗi hình ngục mà hưởng thọ được công đức. Có 5 giới phải thọ là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ (nói dối), không uống rượu. Năm giới là bước đầu tiên trong khi hướng về đường thiện. Muốn bảo tồn nhân cách, duy trì đức hạnh để xứng đáng danh nghĩa làm người, cần phải giữ ngũ giới. Năm giới này là cơ sở của giác ngộ và giải thoát mà chính Đức Phật đã dạy.

Bác Cháu tỏ vẻ ái ngại:

— Chà, năm giới mới nói qua thì tưởng chừng có ít ỏi, mà thật cũng khó giữ cho trọn vẹn đến nơi đến chốn.

Bác Đức đỡ lời:

— Hãy phát tâm tiến bộ, ngày một ngày hai. Như không giữ được toàn năm giới thì giữ một số giới nào, rồi lần lần tiến bước như trèo trên các bậc thang vậy. Miễn là đừng xao lãng, bỏ phế không

giữ giới nào cả, thì thật là vô nghĩa và không xứng đáng. Đàng nào cũng phải có tiến bộ, không nhiều thì ít, chứ không thể nào đứng y nguyên trạng lâu lai hoàn xấu thì làm mất ý nghĩa cao đẹp của sự quy y.

Bác Cháu gái hình như đang băn khoăn một điều khó giải :

— Quy y có khó khăn gì không bác? Phải tốn bao nhiêu tiền mới xin lễ quy y được hở bác?

Bác Đức phì cười :

— Quy y chẳng khó khăn gì cả. Miễn là mình phát tâm chân thành xin quy y, thì sẽ được quy y. Một cuộc lễ đơn giản sẽ được tổ chức trước ngôi Tam Bảo, và một vị Tăng già sẽ chứng minh cho lời phát nguyện quy y Tam Bảo của mình và đặt cho mình một pháp danh, tức là tên đặt cho mỗi người con Phật. Khi làm lễ quy y rồi mới chính thức được gọi là Phật tử, gia nhập đại gia đình Phật

giáo đồ đồng đạo trong nước và trên quốc tế, để thêm sức mạnh cùng nhau tranh thủ con đường giải thoát và an vui. Xin nói là lễ quy y chẳng phải tốn gì cả, chỉ tốn công mình phải đến chùa và phải chuẩn bị rất nhiều lòng thành. Theo truyền thống và phong tục, sau lễ quy y, người Phật tử lãnh một lá điệp trong đó có ghi tên tuổi, quán chỉ pháp danh người quy y, và tên vị bổn sư đã chứng minh, lá điệp này khi sống thì treo giữ để tự nhắc nhở mình luôn luôn cố gắng làm một Phật tử xứng đáng, lúc chết thì đem theo, nghĩa là sống cũng như chết, mãi mãi là con Phật.

Bác Cháu cũng còn một thắc mắc :

— Chớ sao lại quy y mà không tốn chi được. Tiền hương đèn, sớ giấy đầu, phải cúng dường mới phải lễ cho chớ!

Bác Đức đáp ngay :

— Tôi nhắc lại là chẳng tốn gì cả. Thì tôi mới quy y

bữa chiều đây! Thầy bốn sư của tôi không bảo tôi nạp một số tiền nào cả, thầy biết tôi nghèo, và thầy dạy chùa mở rộng cửa cho tất cả mọi người nghèo khổ và các vị Tăng già có bốn phận sẵn sóc ưu tiên đấm đông vất vả. Nếu ta có thành tâm phát nguyện cúng dường tiền bạc phẩm vật, đó là tùy ý. Vậy đừng có băn khoăn về tiền bạc mà làm chướng ngại sự quy y và sai ý nghĩa lễ quy y. Không bao giờ đáng lo không có tiền nên quy y không được, điều đáng lo là chân chừ chưa phát nguyện quy y, mặc dầu tất cả mọi cánh cửa của tất cả mọi cảnh chùa, mọi niệm Phật đường đều mở rộng để nghênh đón những thành tâm thiện chí muốn quy y, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn.

Bác Cháu đứng dậy, có vẻ khê nệ:

— May gặp bác bày vẽ tường tận mới biết sự cần thiết phải quy y Tam Bảo. Tôi và cả gia đình tôi xin phát nguyện quy y, xin bác giúp

đỡ tôi thực hiện được ý muốn, cảm ơn bác nhiều.

Bác Đức cũng đứng dậy oam động:

— Hay quá, tôi xin tùy hỷ ý nguyện của bác, tôi sẽ có thêm được những đồng đạo quý hóa. Tôi sẽ đưa bác lên chùa bạch Thầy, và thầy sẽ dạy nhiều điều đạo lý, mai chừ tôi chỉ nói qua loa một vài điều tôi mới nghe thôi.

Bác Cháu gái lại lên tiếng:

— Có thể chứ, chúng mình sẽ quy y hết cả nhà và trở thành những Phật tử chính thức, cùng đi cầu an cầu siêu, công tác Phật sự, vui biết mấy! Nhưng Bỏ nó nhớ đó, phải cho thành bé giữ trâu cho chúng ta, thành Xược ấy mà, cùng quy y một lượt với chúng ta cho thêm vui!

Trăng đã lên cao. Thiện niệm đang gico mằm trong gian nhà vợ chồng bác Cháu, một gia đình nông dân đang muốn tiến bộ trong đạo Từ Bi...

CẨM NIỆM

Của Quân-nhân Phật-tử SĐI/BB Khu XI/CT trong buổi lễ cầu nguyện tại Chùa Diệu-Đế ngày 19/9 (24-10-64).

*Kính bạch Ngài Hòa-Thượng,
Kính bạch quý Thượng-Tọa Đại-đức Tăng Ni,
Kính thưa Thiếu-tướng Tư-lệnh SĐI/BB Khu XI/CT,
Kính thưa Trung-tá Tỉnh-trưởng tỉnh Thừa-Thiên,
Kính thưa quý Vị Quan-khách.*

Hôm nay nhân lễ vía Đức Quán - Thế - Âm Bồ - tát, và cũng là ngày đầu tiên tỏ rõ sự đồng tâm khai phát Bồ - đề - đạo của toàn thể Sĩ - quan, Hạ - sĩ - quan, Quân - nhân và Nhân-viên dân-chính Phật-tử thuộc Sư-đoàn I/BB và Khu XI/CT để cúng dường thập phương Chư Phật và bồi góp công đức cho nền tảng đạo-đức trong lãnh vực chấn hưng và phát triển giáo - lý của Đức Phật. Chúng tôi nguyện thành kính dâng lên Ngài Hòa - thượng chứng minh, quý Thượng-tọa, Đại-đức, Tăng, Ni tấm lòng tôn kính và liệt quý vị Quan-khách lòng chân thành biết ơn của chúng tôi.

Trong khung cảnh trang nghiêm đạo vị này, ngưỡng vọng quý Ngài cho chúng tôi lắng đọng tâm tư trong một phút để tưởng niệm đến các vị Thánh Tăng, Phật-tử đã và đang hy sinh vì Chánh-pháp.

Đã từ lâu, Quân - nhân Phật-tử chúng tôi chỉ thồn thức âm thầm nhen nhúm nén hương lòng cúng dường Tam-Bảo và cầu nguyện chúng sanh cho đến hôm nay và cũng

à lần đầu tiên người Quân-nhân Phật-tử chúng tôi được loan-hỷ tự tay mình thấp lầy nén hương, vận dụng cả tâm uş quý dưới Phật-đài cầu nguyện cho mình và cho tha nhân, húng tôi làm sao khỏi xúc động.

Là Quân-nhân Phật-tử, một trong lớp người của thế hệ, luôn luôn có mặt trên khắp nẻo đường đất nước đã và sẽ đem xương máu bảo vệ Tổ-quốc Dân-tộc hầu mang lại thanh bình cho xứ sở, trên phương diện tinh thần, lúc nào cũng có quý vị Tăng Ni chỉ đạo. Tuy nhiên trong húng tôi chỉ có một số sớm được phúc duyên gặp cái may mắn ấy, còn đa số vì nhiệm vụ, thiếu hẳn thiện duyên, lo đó tinh thần đạo-đức hình như đã bị lãng quên, vì không người trực tiếp an ủi, điều dắt đến cái đích Chân-Hiện trong hướng sống của cuộc đời.

Hôm nay thì sở nguyện của Quân-nhân Phật-tử chúng tôi đã viên-mãn. Viện Hóa-Đạo thỏa hiệp với Chính-phủ, đã chấp thuận cho ngành Tuyên-Úy Phật-Giáo được tổ chức và hoạt động chính thức trong Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, như vậy là từ nay Quân-nhân Phật-tử chúng tôi đã có vị Thầy trực tiếp an ủi hướng dẫn tinh thần húng tôi.

Không lúc nào bằng lúc này, Quân-nhân Phật-tử chúng tôi nguyện luôn luôn học và hành giáo-lý thâm sâu của Đức Phật để khai thông trí-tuệ, giữ vững niềm chánh-tín long mãnh và bất khuất trước bạo lực và uy quyền của ngoại vọng.

Càng thiết tha nghĩa vụ cao cả với non sông đất nước,

đạt tình với tự-do dân-chủ, thời càng nhất tâm với tín-ngưỡng, viên thành bốn phận của một Phật-tử trong giai đoạn hiện tại. Là Quân-nhân Phật-tử chúng tôi nguyện vai chên vai sát cánh nhau thành một khối, chúng tôi tin rằng không một chướng ngại nào không vượt qua được, một ngọn đèn leo lét không đủ sức soi sáng của căn phòng nhỏ bé, nhưng trăm ngàn vạn ngọn đèn leo lét đồng loạt thắp sáng lên cùng khắp đó đây sẽ đủ sức tạo một ánh sáng rực rỡ xuyên thủng trăm ngàn vạn bóng tối mê mờ và sân hận.

Cường quyền bạo lực tuy cứng nhưng gãy, chỉ có sức mạnh tinh-thần tuy mềm nhưng nó vẫn trường tồn mãi mãi, chúng tôi nhất quyết dùng sức mạnh tinh-thần ấy để phục vụ dân-tộc và đạo pháp ngõ hầu tạo một cuộc sống an lành tin yêu cho Đất nước.

Cầu xin Chư Phật gia-hộ cho Quân-nhân Phật-tử chúng tôi gặp nhiều thuận duyên trên bước đường phụng sự Đạo-Pháp, và tiếp dẫn an lạc quý vị đã quá vãng được sớm tiêu-diêu miền Cực-lạc.

Xin linh-hồn núi sông, xin anh-hồn các vị anh hùng đã bỏ mình vì Chánh-nghĩa Quốc-gia Dân-tộc chúng giám cho lòng thành của Quân-nhân Phật-tử chúng tôi.

Trước khi dứt lời toàn thể Quân-nhân Phật-tử và Nhân-viên Dân-chính thuộc SB/I và Khu XI/CT, xin thành kính cầu nguyện Chư Phật gia-hộ quý Ngài được thân tâm an-lạc, vạn sự cát-từơng.

Trái phiên nào

Thơ:

Những trái cây chín mọng
Hoặc những quả còn xanh
Trong thửa vườn Tham Vọng
Kiêu Mạo xây trường thành
Bọc quanh bao lớp sắt
Bọc quanh bao lớp nung
Đắm mê mờ hai mắt
Quả khờ ngọt vô cùng.

Tường

Trong cõi vườn Tham Vọng
Quả hồng chen quả xanh
Trái sắn si chín mọng
Hoa phiên nào phát sinh
Tay này đi! chơi với
Giữa Kiêu Mạo xây thành
Tay này sao với lời
Những quả hồng quả xanh...

Phong

Thơ:

Những quả xanh quả hồng
Trong mảnh vườn Tật-dễ
Trùng điệp như những vòng
Biết bao giờ có thể
Tách biệt khỏi luân hồi
Thoát ra ngoài sinh tử

Tường

Hoa nở rồi hoa tàn
Quả xanh rồi quả chín
Chấp nào Sắc nào Thân
Chấp pháp chấp là kiến
Thân này vốn là không
Ngã đợi vốn nào có...
Phiên nào cùng nhau ôm
Làm nên cảnh này đó!

Phong

Đệ nhị diệu-đá: TẬP

Tường Phong

PHÔNG VĂN:

Đại Đức **Sangharakshita**

TẠI HY - MÃ LẠP - SƠN

THÍCH THIÊN-CHAU

5) Xin Đại-đức cho biết chương trình phục hưng Phật-giáo tại Ấn-độ của Đại-đức.

— Vâng. Trước khi bàn chương trình phục hưng, tôi xin trình bày sơ lược về lịch trình diễn tiến của Phật-giáo xứ này. Như chúng ta biết Phật-giáo Ấn-độ có từ khi đức Phật đắc đạo dưới gốc Bồ-đề. Đức Phật là một vì sao sáng. Đạo phong của chính Ngài cùng những lời vàng của Ngài đã giác ngộ không những các vị Đạo sĩ, vua chúa, mà đến cả hạng cùng đinh. Tất cả dân chúng Ấn-Độ, lúc bấy giờ trực tiếp hoặc gián tiếp, đều được thừa hưởng ân huệ của đức Phật.

Rồi, mặc dù đức Phật đã nhập Niết-bàn, nhưng Giáo-Hội Tăng-già do Ngài lập nên vẫn tiếp tục sứ mạng cao cả của Ngài — Phật-giáo tiếp tục phát triển. Vào khoảng hơn hai trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn vua ASOKA ra đời và làm sáng Phật-giáo không những ở Ấn-độ mà cả các nước lân bang. Từ thế kỷ thứ ba trước Tây lịch đến thế kỷ thứ tám sau Tây lịch, Phật-giáo đã trở nên một sức mạnh đạo đức và văn hóa lớn nhất ở Ấn-độ. Các vua hữu danh như vua KANISHKA, HARSHA, PALAS v.v. đều ủng hộ Phật-giáo. Có thể nói những thời đại huy hoàng trong lịch sử Ấn-độ là những thời đại do các vua hiền và tu theo Phật-giáo

trị vì. Những lối kiến trúc chùa viện tân kỳ, những nghệ phẩm điêu khắc, hội họa rất mỹ thuật, những triết hệ hoàn hảo còn lại đến ngày nay chứng minh điều ấy. Nhưng vào khoảng thế kỷ thứ 13 về sau thì Phật-giáo ở Ấn-độ như đã sút kém và đi lần dần chỗ suy tàn, ngoại trừ những nơi như miền đông BENGAL, ASSAM, UTTAR PRADESH, ORISSA, DARJEELING, KASHMIR. Trong khi đó những tôn giáo kém yếu vẫn còn tồn tại cho đến bây giờ. Sự kiện này quả là một điều lạ đối với bất cứ ai có đề tâm đến Phật-giáo Ấn-độ.

Tiện đây, chúng ta thử tìm hiểu nguyên nhân nào đã đưa Phật-giáo ra khỏi nơi mà ở đó Phật-giáo đã phát sinh và thịnh vượng suốt thời gian hơn ngàn năm.

Nguyên nhân thứ nhất là sự chống đối của Bà-la-môn-giáo và giai cấp vua chúa, quan liêu! Phật-giáo vốn là tôn giáo cách mạng, bình đẳng, đã phá vỡ thành trì giai cấp do các tu sĩ Bà-la-môn hợp tác với những kẻ có quyền thế lập ra và giữ gìn để hưởng lợi. Dưới nhiều triều đại, Phật-giáo ngay trong lúc còn mạnh vẫn bị xem là những chướng ngại vật của thần quyền và quân quyền. Do đó bất cứ lúc nào có thể là họ tiêu diệt Phật-giáo.

Nguyên nhân thứ hai là sự suy kém trong nội bộ Tăng già. Trong những trăm năm đầu tiên tài đức của Tăng già quá sáng mạnh cho nên dù Ma vương có muốn phá cũng không làm gì xuể — Nhưng về sau, nhứt là trong những thời kỳ Phật-giáo được các vua chúa và những nhà giàu có ủng hộ, một số Tăng già đã xuất gia với bất-hảo tâm vì danh lợi. Do đó, họ đã trở nên những kẻ lười biếng, trưởng giả, kiêu cách và bất lực đến nỗi không thể chống nổi KUMARILLA BHATTA và SANKARACHARYA những tu-sĩ Bà-la-môn học lớn Phật-

giáo rồi trở lại đã kích Phật-giáo — vì thế ảnh hưởng Phật-giáo bị mất dần trong quần chúng.

Lý do thứ ba là sự tàn hại của quân Hồi giáo! Với sự cuồng tín, trong khi xâm lược Ấn-độ, họ đã đập phá chùa tượng và giết hại nhà tu của Phật-giáo cũng như Bà-la-môn giáo! Riêng NALANDA, tất cả chùa viện và tịnh xá có thể chứa mười ngàn tu sĩ học giả đã bị đập phá tan tành, kinh sách trong thư viện cháy suốt ba tháng trời và hàng ngàn Chư tăng bị giết. Còn Phật-tử tại gia thì bị khủng bố và bắt buộc theo tôn giáo của họ. Có lẽ chúng ta sẽ hỏi tại sao cũng đồng thời bị tàn phá mà Bà-la-môn giáo vẫn còn trong khi Phật-giáo thì bị tiêu diệt — Bởi lẽ tu sĩ Bà-la-môn với hình thức không khác thế tục mấy — Họ vẫn để râu tóc và có thể mặc y phục màu trắng và nhất là đời sống « phạm hạnh » của họ không được rõ ràng cho lắm — Do đó, họ có thể trà trộn trong dân chúng, còn chư Tăng, với cà sa vàng, không râu tóc và chỉ ở chùa viện mà không được phép sống lẫn lộn với dân chúng nên khó mà thoát khỏi nanh vuốt của giặc — Tăng già không còn, Phật-tử không ai hướng dẫn, lâu ngày quên mất Phật-giáo.

Lý do thứ tư là lời truyền bá quá dễ giải và sự mê hoặc quần chúng của Bà-la-môn giáo và các tôn-giáo khác. Họ chủ trương tội lỗi, khổ đau đều có thể rửa sạch bằng nghi lễ và thần chú (MANTRA). Quần chúng thì ngu dại, nhất là sau những năm chiến tranh điêu đứng, nên bằng lòng tin theo những gì dễ dãi hơn là phải học hiểu và tu tập theo những phương pháp tự lập và khắc khổ của Phật-giáo.

Tuy vậy, nếu dùng quá chú trọng đến hình thức, chúng ta cũng không đến nỗi bị quan. Vì như bác sĩ SONI nói: « Ai bảo Phật-giáo không còn ở Ấn-Độ, người ấy lầm ». Và chính triết gia RADHAKRISHNAN, hiện là Tổng-Thống Ấn-Độ, cũng bảo: « Phật-giáo đã lẫn vào trong

Bà-la-môn giáo dễ biến thành ra Ấn-độ-giáo ngày nay. Người Ấn chúng tôi vẫn tôn thờ đức Phật; giáo lý từ bi bất bạo động vẫn được người Ấn chúng tôi tôn trọng và thực hành. Thật vậy, nếu quan sát tế nhị chúng ta sẽ thấy ảnh hưởng của Phật-giáo vẫn còn trong nếp sống hằng ngày của người Ấn. Họ rất sùng kính đức Phật, mến trọng người tu, ưa chuộng đời sống tinh thần, ăn uống thanh đạm, hiền hòa với người, và ít giết hại sinh vật (hầu hết dân Ấn đều ăn chay).

Gần đây, sau ngày độc lập, Chính phủ Ấn đã lấy bánh xe Chánh-pháp in vào Quốc kỳ, lấy dấu hiệu sư tử ba đầu trên một trụ đá của vua ASOKA chôn ở vườn Lộc - Uyển để làm quốc hiệu, cho sửa sang tất cả Phật tích, tổ chức lễ 2500, lập viện nghiên cứu Phật-giáo, in lại Tam-tạng kinh điển, v.v... Hầu hết những nhà trí thức đều lưu tâm đến Phật-giáo. Chính cố Thủ-Tướng NEHRU đã phỏng theo tinh thần Phật-giáo lập ra 5 điều sống chung hòa bình (PANCH SILA) Câu nói sau đây: «Lời dạy của đức Phật vẫn còn tươi sáng như 2500 về trước. Và có lẽ nó cần thiết cho lúc này hơn lúc nào hết trong lịch sử của loài người» đã phát ra từ miệng của nhà cách mạng và chính trị lão thành đáng kính ấy.

Nhờ đại nguyện và đại lực của đại đức Dharmapala, các đại đức Tích-lan, Miến-điện và bản xứ, Phật-giáo Ấn-độ ngày nay trong đời đã có một sắc thái khả quan, số Phật-tử càng ngày càng tăng, hiện có hơn 4 triệu. Con số này sẽ được tăng thêm rất mau nếu có người hướng dẫn.

Mặc dù thế, với ước vọng chính pháp sẽ huy hoàng trở lại trên đất Phật và Ấn-độ phải có nền Phật-Giáo thuần túy, chúng ta vẫn phải luôn luôn lưu tâm đến vấn đề phục hưng. Như

Đại-đức biết, từ khi xuất gia đến nay, tất cả thì giờ và sức lực, tôi đều hiến dâng cho công việc phục hưng Phật-giáo tại đây, vì tôi nghĩ rằng Phật-giáo ở Ấn-độ có mạnh thì Phật-giáo ở các nước khác mới được phát triển. Hiện tôi là hội trưởng của hội Ma-ha Bồ-đề. Cố vấn của đoàn thanh niên Phật-tử tại Kalingspong này, chủ bút của tờ báo Ma-ha Bồ-đề, tác giả của nhiều sách Phật-học, biên tập viên cho nhiều tờ báo Phật khác. Chính tôi đã hướng dẫn cho bác-sĩ Ambedkar và hiện nay tôi đang hướng dẫn cho mấy triệu Phật-tử mới ở vùng Bombay, Poona noi gương bác-sĩ Ambedkar qui-y Tam-bảo. Hàng năm, tôi chỉ ở đây có 6 tháng để tịnh tu, viết lách, dạy dỗ cho các vị tập sự và Phật-tử; còn 6 tháng tôi xuống trung-du để giảng dạy cho các hội Ma-ha Bồ-đề cũng như sinh viên trong các trường đại học. Tôi định thiết lập tại Poona một tu viện lớn để làm nơi tu thuyền và truyền bá cho chư Tăng ngoại quốc, nhất là chư Tăng Âu Mỹ, và làm nơi huấn luyện các tỷ-kheo địa phương. Vì theo tôi, chư Tăng ngoại quốc dù đủ tài đức song vẫn không sao hiểu rõ tâm tình, phong tục ngôn ngữ của người địa phương. Vì thế chỉ có tỷ-kheo bản xứ mới đắc lực trong việc dắt dìu người địa phương. Tôi cũng hứa hợp tác với hội Phật-giáo Bengal trong chương trình huấn luyện cán bộ truyền giáo. Dù sao trong hiện tại, Phật-giáo Ấn-độ vẫn phải còn nhờ nhiều đến chư Tăng ngoại quốc. Vì như hiện giờ ở Bombay và Poona có hơn ba triệu Phật-tử mà vốn vẹn chỉ có 3 vị Tỷ-kheo. Trước đây, Thượng-tọa Minh-Châu có hứa sẽ hợp tác với tôi trong công cuộc huấn luyện Tỷ-kheo bản xứ. Nhưng nay Thượng-tọa đã về Việt-nam. Tôi thấy các Tỷ-kheo Việt-nam, với đời sống giản dị, sự ăn uống thanh đạm, tánh nhẫn-nại hy-sinh rất có thể thành công trong công cuộc phục-hưng Phật-giáo tại đây. Nói đến đây Đại đức mỉm cười và hỏi tôi rằng sau khi học xong có thể ở lại để cộng tác với đại đức được không. Tôi ngần ngại đáp: «đề tôi hỏi ý kiến quý Thượng-tọa ở nhà xem sao đã!»

Đại đức cho biết thêm rằng người Ấn vốn là dân tộc giàu tin ngưỡng. Hơn nữa, mặc dù là Ấn - độ giáo, họ vẫn tin tưởng nhân quả luân hồi và kính trọng Đức Phật. Do đó đối với họ, vấn đề trở nên Phật - tử thuần túy không có gì khó khăn cho lắm. Song chúng ta phải khéo léo và kiên nhẫn trong vấn đề dắt dìu họ. Vì hiện nay phong tục của Bà - la - Môn giáo đã ăn sâu vào tâm não họ. Nói cách khác, họ đang bị bao phủ bởi không khí Bà-la-Môn giáo. Vì thế, chúng ta phải phân biệt có hai hạng người: một hạng có thể trở thành Phật - tử thuần túy, gồm có những thanh niên tân học, chán ghét nghi lễ phiền phức và lý thuyết hỗn tạp của Bà-la-Môn giáo, và những người cùng đinh, đang khổ đau vì nạn phân chia giai cấp của Bà-la-Môn giáo; hạng thứ hai chỉ có thể trở thành những người bạn của Phật - giáo gồm những người trung lưu, lớn tuổi, hưởng được nhiều quyền lợi trong xã hội Bà-la-Môn, và những người không đủ sức ly khai những cảm tình và tín ngưỡng cũ cũng như những lời nói ra nói vào của người xung quanh. Đối với hạng người thứ nhất, chúng ta nên để hết tâm lực vào việc hướng dẫn họ, và hy vọng họ sẽ là phần tử thuần túy và cốt cán trong Phật - giáo. Đối với hạng người thứ hai chúng ta chỉ cần gây cảm tình để họ đừng phá công việc của chúng ta và để dành cho con cháu họ theo Phật-giáo.

Đến đây đại đức lại hỏi tôi phải chăng Phật-giáo Việt-nam cũng có những điểm tương tự như Phật - giáo Ấn - độ. Tôi đáp: « có rất nhiều điểm ». Và có thể so sánh Phật-giáo Ấn-độ trong thời kỳ bị Hồi-giáo tàn hại với Phật - giáo Việt-Nam trong thời kỳ Pháp thuộc và Nhu Diệm. Nhưng may là trong khi Nhu Diệm chưa thể đốt phá chùa chiền, giết hết Tăng Ni, Phật-tử thì cuộc cách mạng vừa qua xảy ra !

BỨC

THƯ VUI



LAN-HOA TU-NỮ

Ấn-Độ, ngày tháng d.l. 1964

Thưa Anh Chị Ba,

Cùng trong một ngày mà sáng nay em gặp một chuyện bực mình, «ức» không thể tưởng tượng được, chiều lại gặp một chuyện vui, cả hai đều liên can đến việc... ăn.

Buổi sáng, một Phật tử người Âu-châu đã lớn tuổi tự nhiên hỏi em như thế này: «Đạo Phật là quốc giáo của Việt-Nam, vậy sao mấy lần tôi ghé thăm quý quốc, tôi thấy đa số người Việt đều ăn mặn, thỉnh thoảng mới có người ăn trường trai?» Bị hỏi bất thần em nghẹn ngào không trả lời làm sao cho trôi chảy được, em rất bực mình. «Cụ» đạo hữu Âu-châu hỏi như vậy là vì ở nơi em đang sống đây, một khi đã quy y Tam Bảo thì dù là người Anh, người Đức hay Hoa-kỳ, bất cứ làm nghề nghiệp gì, doanh thương, bác học, văn

sĩ... họ đều ăn trường trai một cách dễ dàng, vui vẻ mà ai nấy đều thân thể vạm vỡ, cao lớn, khỏe mạnh, đường đường một trang nam-tử oai dũng. Nhưng may thay chiều nay em nhận được Liêa-hoa Nguyệt-san số 5 do sư Thầy gửi cho em. Ở trang 55, hàng chữ thứ 15, 16 em đọc thấy: «Trong ngày Phật Đản, không có một miếng thịt, một con cá nào ở các chợ cổ đô». Ha! Ha! Vậy thì cả thành phố Huế ăn chay! Có thể chứ, giòng Lạc Việt bốn ngàn năm văn hiến mà lại tuân theo Ngũ giới cấm răn rập! Ôi vui thật là vui! «Cụ» đạo hữu ban sáng của tôi ơi, «cụ» đã thấy chưa?

Vậy thì tại Huế, trong ngày Phật Đản, không có con heo, con bò, con cá, con cua, con lươn, conếch nào phải uống mạng vi chui vào bụng người. Lành thay! Đọc đến đây, chắc

anh chị bật cười mà nói : «Cô sang tu học tại xứ của Phật-tổ hàng mấy năm trời, tưởng cô nói những điều gì cao siêu, ai ngờ nói toàn chuyện cua, ếch, lươn!» Kìa anh chị, cái trình độ «văn-minh» của em mới tới đó, thì em biết làm sao? Em biết điều gì em nói điều đó, có sao nói vậy.

Anh chị còn nhớ ông Tư Xoe ở Xóm Giếng làng ta không? Ông năm lễ Sám Hối một tháng đôi tuần nhất làng, mà có lễ nhất cả thế giới nữa! Em quên mất rồi hình như mỗi khi lễ Khóa Sám, ta phải lễ 98 hay 108 hay 112 lễ. Khi mới bắt đầu lễ vài ba cái thì sao ta thấy trong người khỏe khoắn, hăng hái đầy nhiệt tâm. Đến cái lễ thứ 20 thì : «Ờ, thế mà khá mỗi lưng đấy nhỉ». Đến cái lễ 50 thì (Lạy Phật tha tội cho con, nhưng đây là sự thật) mỗi xum, mỗi như cả xương sống. Đến cái lễ thứ 80 thì chóng mày chóng mặt, xây xam cả mặt mũi. Mồ hôi lấm tẩm trên trán, mồ hôi chảy «thánh thót» trên lưng. Tuy chân tay rã rời lảo đảo, ta vẫn phải cố gắng lễ cho hết khóa. Vậy mà dù trời mưa trời gió, dù bị cảm sốt, nhưc

rãng, quanh năm suốt đời, không giờ ông Tư Xoe vắng mặt một buổi lễ Sám nào. Vì thế nên Sư Cụ quý ông nhất làng. Em cũng phục ông vô kể. Thế nhưng, một hôm, em đọc cuốn kinh quốc-ngữ nói về Ngũ Giới Cấm rồi em ngáy thơ trọn tròn đôi mắt mà tự hỏi : «Ừa! Phật cấm sát sinh à? Ừ, mà đừng thế, rành rành mực đen giấy trắng đây này :

«Giới thứ nhất: Cấm sát sinh vì sát sinh là trái với «Đạo TỬ-BI.»

Thế sao khi ông Tư Xoe cầm con dao nhọn hoắt thọc huyết beo khiến cho con vật khốn khổ dẫy dựa điên cuồng và rú rít lên những tiếng kêu tuyệt vọng thẳm sâu thì tất cả gia đình ông đều vui như mở hội? Mỗi làng Việt Nam dù nghèo đến đâu cũng có một ngôi chùa thờ Phật, thế sao sáng nào trong làng cũng có tiếng beo bị thọc huyết kêu rú lên, nghe đứt cả ruột? Lại còn: lươn om với chuối xanh, chim sê nướng vàng, chuột đống luộc, lột da, thịt trắng phau chắm với muối ớt? Khi có kẻ kè kè bên mình ly rượu ba-xi-đế và chiếc ve keo lưng lưng dẫy cũ kiệu

ngâm dấm thì con gì bò dưới đất, con gì đậu trên cây, con gì lội dưới nước là ta bắt, ta «nhậu» tuốt luốt, mặc dầu khi ta vụn cổ, mổ bụng, bẻ vây chặt cánh chúng, chúng kêu chí chóc, phản kháng om sòm, vì chúng cũng ham sống như ta. Đọc đến đây, chắc anh chị nói: Chao ơi, nước nghèo dân đói, ăn từ con châu chấu ăn di, cò còn lạ gì? «Thế em xin hỏi anh chị:» Tại sao nước nghèo dân đói? Phải chăng tại ít phước đức, tại không chịu sống theo lời Phật dạy, cứ sát sinh hoài».

Anh chị còn nhớ cụ Tiên chỉ làng ta rất chăm lên chùa giảng kinh cho bá tánh nghe? nhưng buổi sáng thì cụ thích nhắm rượu với lòng teo chấm mắm tôm chanh ớt (một mạng biết đi, biết ngoe nguẩy vây đuôi và kêu: ún ún); buổi trưa thì cụ ưa nhắm rượu với cá rô hạt mít rán chấm với tương gừng (độ 15 mạng bé bé xinh xinh như cái hạt mít biết lội dưới nước), và tối thì cụ thích ăn cơm với vịt hầm nhồi hạt sen (một mạng vừa biết bay vừa biết lội và kêu cạc cạc).

Biết bao người đã quy y Tam Bảo, thụ năm giới mà

không chịu tập ăn chay dần dần đi, cứ chủ trương mãi rằng AI SAO TỐI VẬY. Nghĩa là ông hàng xóm bên phía Đông mà ăn gà rút xương bỏ lò quay bơ thì tôi cũng phải kiêu ề vợ tôi làm món gà xào hạnh nhân cho tôi nhâm nhi lai rai ba sơi... để góp mặt với đời! bà láng giềng bên phía Tây mà «cá lóc kho tiêu» thì tôi cũng phải làm món cá ngạnh om riềng mẻ cho chồng tôi nhắm rượu. AI SAO TỐI VẬY mà lại. Ai sát sinh thì tôi cũng sát sinh! Ai phạm pháp thì tôi cũng phạm pháp. Nhưng một tội ác dù cho cả muôn triệu người cùng nhau đồng phạm, thì trước sau đó cũng vẫn là một tội ác, chứ có biến thành một việc vô hại đâu? Theo lời Phật dạy, đã vay thì rồi phải trả. Nếu ta vừa cắt cổ gà vịt hay bóp cổ chim câu xong, ta lại lên chùa lễ Phật: «Lạy Phật mở bái, xin Ngài phù-hộ cho thẳng con út của tôi đi thi Tú-tài đời lần này được đỗ» hay là «phù hộ cho «ông nó» nhà tôi khỏi bệnh đau bao tử» Như vậy thì có khác nào một công dân cứ mỗi khi phạm pháp thì lại đi kiếm nhà chức-trách để xin... lãnh thưởng!

Ông Tư Xoè mỗi tháng lạy

Phật 200 lạy: (Khóa Sám tối mười bốn: 100 lạy—Khóa Sám tối 30: 100 lạy). Một năm ông lạy Phật $200 \times 12 = 2.400$ lạy. Mười năm ông lạy Phật $2.400 \times 10 = 24.000$ lạy. Hai mươi năm ông lạy Phật $24.000 \times 2 = 48.000$ lạy. Thế nhưng không ngày nào là ngày ông không sát sinh. Ngày nhè, sáng hôm qua ông xé một lúc 4 sóc cua đồng, mỗi sóc 12 con cua, 4 sóc vị cbi là 48 con cua. Mỗi coa cua lại có bao nhiêu là trứng, vậy ông đã giết hàng ngàn mạng. Chiều ông bẫy được cả bầy chim sẻ đá, đem vật lông, vắn cổ, nướng vàng, nhấm rượu hết sạch. Sáng hôm nay ông lấy cái chày vỗ đập vào đầu những con cá lóc, cá trê: «bốp bốp» khiến chúng dẫy lên đánh dạch rồi chết ngay đơ ra. Và chiều hôm nay ông cắt cổ gà thế nào mà gà dờ sống dờ chết, cưỡng họng nó đứt nửa chừng, lòi ra lòng thông trước cổ, nó chạy kêu: quác, quác, máu cổ giổ giọt xuống đất đỏ lóm. Vậy 48.000 cái lạy trước bàn thờ Phật có xóa bỏ được những chuyện sát sinh gồm ghiếc trên đây không? Đến một triệu cái lạy cũng không thể xóa bỏ tội ác được. Chúng ta thích «phở tái nạm, mỡ nhừ, nước

béo» và «phở tái mười, sụn nạm ròn tan». Nhưng nếu ta thấy những trâu bò ứa nước mắt khóc và chấp hai chân trước lên ngực xá lạy đồ tể, xin tha mạng, thì chắc ta sẽ hết «thiệt tha» với phở. Cũng may mà Phật tử Việt-Nam bao giờ cũng có nhiều người ăn trường trai hay lục trai. Chớ nếu ai cũng như ông Tư Xoè thì.., tinh thần đạo Phật còn biết nương tựa vào đâu nữa? Ông Tư Xoè chăm lạy Phật, nhưng có lẽ Phật cũng lấy làm phiền lòng vì những cái lạy máy móc, trống rỗng ý - nghĩa, lạy không phải vì hiểu Đạo, mà chỉ vì rập theo khuôn mẫu của tập quán mà thôi. Một ngày ông Tư Xoè ăn mặn ít nhất là 2 lần; một năm là $365 \times 2 = 730$ lần; mười năm là $730 \times 10 = 7.300$ lần; hai mươi năm là $7.300 \times 20 = 14.600$ lần, Càng sống lâu càng nhiều tội.

Mà em cũng bực mình ghê đi với «cụ» đạo hữu người Âu-châu sáng nay. Em nghĩ:

Đồng bào cụ tốt đẹp thì cụ yêu.

Đồng bào tôi không ăn chay nhiều được thì tôi cũng chiều cũng thương».

Việc gì «Cụ» lại hỏi «Ác» thế? Chúng tôi máu đỏ da vàng, con cháu Vua Hùng Vương, chúng tôi xót nhau lắm chứ? «Máu chảy ruột mềm» mà lại! «Cụ» hỏi thế là «ức» tôi lắm, nghe, «cụ»! Nhưng mà nếu anh chị có về làng, gặp ông Tư Xoè thì xin nhắc nhở ông nên ráng ăn chay mỗi tháng vài ngày cho đúng tinh thần con nhà Phật.

Lại còn chuyện này nữa:

Các em nhỏ Phật-tử ở nơi em đang sống đây thường xúm quanh em rồi hỏi: «Chị ơi, có phải người Việt-Nam và người Tàu tuy theo Đạo Phật nhưng ăn cả thịt rắn, thịt ênh ương, chấu chuột, thịt chuột đồng, chuột cống không? Chị có ăn như thế lần nào không? Có ngon không hả chị?» Ôi thật là một «giai đoạn ngoại giao quốc-tế» cực kỳ gay cấn và... khổ tâm! Em phải mang chuyện nấm rơm, bún tàu, mì căn, tàu iêu Lá Bờ-Đề, cải bắp, cà rốt, khoai tây, xu xu, súp lơ, xu hào, đậu hòa-lan ra nói để các em nhỏ biết cách dân ta ăn chay như thế nào.

Có nhiều người rất hiền

đừu, dịu dàng, từ-bi mà vẫn ăn mặn vì thói quen, tập tục. Có những cụ già lòng đượm một vẻ vị-tha, từ-bi man mác vì đã từng trải những bước thăng trầm của cuộc đời dâu bể. Có những thiếu nữ trong trắng dịu hiền, hiếu sinh đến nỗi thường thơ thẩn lấy cọng rơm, cọng cỏ bắc cầu cho đàn kiến leo qua một giòng nước nhỏ, để chúng khỏi chết đuối; các cô thường khóc đỏ hoe mắt khi con chim yêu dấu chết trong lòng. Em tin chắc rằng các cụ và các cô nếu chính mắt mình được trông thấy cảnh tượng những người đồ tể giết trâu bò ở lò sát sinh, được mục kích những giọt nước mắt và vẻ thâm sâu tuyệt vọng hay vẻ sợ hãi điên cuồng của trâu bò trước khi bị sát hại thì các cụ và các cô sẽ không còn bao giờ nỡ dùng thịt bò thịt trâu nữa. Sở dĩ ta ăn những miếng thịt bầy nhầy một cách dễ dàng là vì «khuất mắt trông coi»! Và ai ưa dùng thịt heo thường ít khi tự tai mình nghe thấy tiếng rú rít rùng rợn của con heo khi bị thọc huyết! Thế giới ngày nay đang trải qua một khúc quanh lịch sử. Sự tiến bộ về khoa-học, kỹ thuật đã

được thực hiện rất nhiều. Sắp sửa bắt đầu những bước tiến rất mạnh về Từ-bi, Bác ái. Dân Việt ta nên tự chuẩn bị để đi cho kịp người.

Nếu ăn chay là thiếu chất bổ thì tại sao Phật Tổ là một vị Đại Giác lại khuyên ta ăn chay? Ba năm trước đây em bị lao phổi. Cả khuôn hội Phật-giáo An-Nhơn đều tin chắc phen ấy em sẽ tuân theo lời bác-sĩ, uống nước thịt bò và ngã mẫn luôn. Song em nghĩ: « Phật giỏi hơn bác-sĩ hay bác-sĩ giỏi hơn Phật? » Em theo Phật, vẫn ăn chay, dùng lê, táo, cam, măng cầu, táo Tàu, hạt dẻ tây, đậu xanh, đường, mật ong gạo nếp: rồi lũ vi-trùng lao phải bại trận siêng liêng, chúng đành khoanh tay chịu thua trước những chất bổ của thức ăn chay!

Khi ta ăn hành tỏi thì một lúc sau mồ hôi ta sặc sụa mùi hành tỏi; khi ta ăn ớt, mít, măng cầu, thì một lúc sau da thịt ta đượm mùi ớt, mít, măng cầu, vì củ hành, trái ớt đã biến thành máu huyết, da thịt ta. Trâu, bò, heo là loài lục súc, không thanh bai sạch sẽ bằng con người; chúng có những dục vọng rất thô鄙, thấp hèn, rất là « súc vật ». Nếu ta ăn

chúng thì thịt chúng sẽ biến thành thịt ta, cái thầy hôi hám nặng mùi của chúng sẽ biến thành thân thể ta; ta sẽ trở nên dâm dật, sân si. Trước khi bị đồ tể giết, trâu, bò, heo hiểu biết rằng chúng sắp bị phanh thầy xé xác để nuôi dưỡng giống người nên lòng chúng đầy oán giận thù ghét. Sự oán hờn này khiến cho cơ thể chúng tiết ra một thứ huyết thanh rất độc hại ở cùng khắp xương thịt chúng. Ăn thịt chúng tức là ăn sự thù hận ấy, ăn thứ huyết thanh độc-dịa ấy, ăn những dục vọng thấp hèn của chúng. Vì vậy mới có bệnh ung thư cùng biết bao bệnh hiểm nghèo khác.

Ta đã quen ăn mẫn từ bao nhiêu trăm ngàn kiếp trước. Kiếp này ta mới ngộ Đạo Từ-Bi, theo gương Phật - Tổ mà ăn chay, nên ta chưa quen, cứ thấy ruột gan nôn nao, ăn rồi mà còn như thấy đói, nên sanh ra sợ hãi, lo ngại vẫn vơ. Vậy chữ DỪNG của con nhà Phật đâu? sao ta không lấy nó ra mà xử dụng trong lúc này? Thoạt đầu ta ăn chay một tháng vài ngày, rồi ta ăn lục trai, thập trai. Cứ tiến dần như thế, chỉ độ trong vòng một

hai năm là ta ăn trường trai dễ như chơi, có gì khó đâu?

Khi ta bắt đầu ăn chay thì các vị Nam-Tào Bắc-Đầu cầm bút son phê ngay một chữ «PHƯỚC» rất lớn trong cuốn sổ có tên ta. Song nhiều người thường tự hỏi: «Ta ăn chay mà sao tai nạn cứ đến với với ta hoài?» Đó là trường hợp các vị Nam-Tào Bắc-Đầu thấy rõ ta có căn lành có thể tu được nên các Ngài nhồi quả, dồn quả cho ta để ta trả cho chóng sạch cái số dư nghiệp đã tích lũy từ bao nhiêu tiền kiếp, để trong một thời gian ngắn sắp tới đây ta sẽ có thể tiến nhanh trên đường ĐẠO và hưởng phước vô cùng.

Luật Nhân-Quả, làm lành, gặp lành, làm dữ gặp dữ, không những chỉ áp dụng cho từng người mà còn được áp dụng cho từng quốc-gia nữa. Có thể nói rằng nước ta thật là bị hoạn nạn liên miên, Hết Trung-Hoa phong kiến đô-hộ trên một ngàn năm, lại đến Thực dân Pháp, Phát-Xít Phù-Tang tới hoành hành như là ở chỗ không người. Và giờ đây Trung-Hoa đỏ cũng đang gặp ghê, muốn nọ kia! Vậy Phật-Tử chúng

ta hãy ráng vun trồng hạt giống từ-bi, ráng cứ sát sinh-cổ tập ăn chay. Một khi ăn trường trai thì ta làm lành, nói lành, nghĩ lành rất dễ dàng. Tam bành lục tặc không thể nổi lên trong lòng ta nữa, vì thân thể ta hoàn toàn tinh khiết, trong sạch. Những tội lỗi sẽ được giảm đi rất nhiều. Và lúc đó các đấng Nam-Tào Bắc-Đầu sẽ:

«Điều lành mang lại.

«Điều dữ mang đi»:

Sẽ không có đấu tranh giai cấp nữa, không có tổ chức gây oán thù nữa.

Trong khi Phật-giáo đang tiến những bước dài trong đời sống của toàn dân như bây giờ, em mong Huế hay Saigon sẽ là nơi phát động một phong trào ăn chay sâu rộng và lâu dài. Em mong rồi đây sẽ có Hội Ăn Chay Toàn Quốc. Lúc đó các bà, các cô sẽ truyền dạy cho các đạo hữu của mình cách nấu những món đồ chay mà các bà các cô sở trường, nấu rất khéo. Nào bì bún, chả giò chay, nào hủ tiếu và mi chay, nào cơm xào Tiều-Châu với nấm hương, bạnh-nhân, măng tây, nào rau muống luộc chấm tương, nào

búp khoai lang hầm nhừ, nào bánh đúc nóng ăn với tàu hủ chiên nóng sốt. Ôi! nói đến đây, sao em thấy « xúc động can tràng » nghĩa là thèm, muốn ăn bánh đúc đậu rán không thể tả được! Tại nơi em đang sống đây, ăn chay chỉ có ớt cay sè, trái me chua lè, làm gì có nắm rơm, bột ngọt, vậy mà em vẫn:

« Son sắt một lòng » (!) không dám ngã mặt. Nhiều tối đi ngủ, em nằm mê thấy bị búp chuối: những sợi bún trắng tinh, mềm mại, dẻo như kẹo kéo, ăn với dưa leo, đồ chua và nước tàu iêu nhân hiệu « LÁ BỒ - ĐỀ ». Nhưng than ôi, khi tỉnh ngủ thì mới biết đó chỉ là một « giấc mơ hoa » mà thôi!

Em thấy không gì vô ý thức bằng sự chế riễu những người ăn chay. Lắm kẻ chính mình không theo được lời Phật dạy, mà lại còn đi cười chê, ngạo mạn những Phật-tử hiền lành, ngoan đạo đang tập ăn chay nữa. Đó là một tội đại ác. Em thấy có một gia-đình hết sức vô lý. Người con gái út của gia-đình đó, 15

tuổi, phát nguyện ăn chay. Cô bác liền bấu môi dè bấu, nói « Ranh con mới nứt mắt ra mà đã lên mặt... Ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, cô, dì còn chưa ăn chay được nữa là nó, mới có một tí tuổi đầu ». Đó là những câu nói hết sức vô minh và độc ác.

Thư này của em quá dài. Em xin ngừng lại nơi đây và kính chúc anh chị cùng các cháu hai chữ bình an. Còn về phần em, nếu em còn ở xứ nhà mà dám đứng lên chống động ăn chay, khuyên các đạo hữu đừng ăn phở, thì « hai chữ bình an » sẽ không bao giờ đến với em. Rất có thể là một hai ông bà hàng phở sẽ đánh cho em một trận toại bời. Vì thế, cho nên, nếu ở nước nhà có ai phát ý mếch lòng về câu chuyện « chay, mặn » này, thì anh chị chuyển lời xin lỗi giùm em. Em chỉ muốn « xây dựng » và không dám chủ ý làm buồn lòng một người nào trong Đại Gia Đình Phật-tử thân yêu đang thống nhất và đoàn kết chắc chắn.

LAN

Gửi Khách Thiền Môn

Kính lạy Thầy,
THÍCH THIÊN-CHÂU ở Ấn-Độ

THUYỀN ai rẽ nước sông Hằng
Chèo về giác ngọn lằng lằng cánh bướm
Cổ-hương bao cảnh nẻo hồn
Ngất trời khói lửa lại đờn phong ba
Xin cầu giải thoát Nước Nhà
Muôn vàn điều đứng can qua tháng ngày.
Quy y Tam-Bảo bấy nay
Sông Hằng lướt sóng cũng ngày vượt xa.
Đầy tu Phật, đầy tu nhà
Nước non tình nặng đôi ta một lòng |
Dầu không hồ thỉ tang bồng
Cầu kinh cửa Phật cũng công đức nhiều,
Quê nhớ biết mấy mai chiều
Mưa mai lạnh lẽo, gió chiều hoang mang
Mong người Tu-sĩ lên nhang
Cầu cho khắp cả nhân gian yên lành
Cầu cho ức triệu sinh linh
Không chung tổ quốc cũng tình anh em |
Hủy bom đạn, ném cung tên
Siết tay nhau, quyết gỡ yên hòa bình.
Cho đời thoát ách đao binh
Cho muôn dân hưởng thái bình Thuận Nghiêu!

TƯƠNG-PHỐ
Nha-Thành 1964

Bí Mật



CỦA

PHẬT-GIÁO

Á Đông xa xôi, huyền bí...

Câu ngôn ngữ cú kỹ ấy hình như đã lỗi thời. Nhưng đây ngay giữa thế kỷ 20, có những vị Sư đã tự thiêu nơi công cộng để tỏ bất bình với chính quyền, sau khi đã phát nguyện trước ngôi Tam-Bảo. (Phật, Pháp, Tăng).

Sững sốt, dư luận Tây-phương đã xúc động. Vậy những nhà Sư đó là ai? triết lý của họ đạo đức của họ là gì?

— Phật-giáo là gì?

Đó là câu hỏi chúng tôi đã hỏi bác-sĩ Nguyễn-trần-Huân, giảng viên tại Trường Thực-hành Học-thuật Cao-dẳng.

— Phật giáo là gì? ông lặp lại, mỉm cười và nói: Đức Phật đã dạy « Người biết thì không nói, và người nói thì không biết. Vậy thời những lời nói của tôi chỉ có thể chứng tỏ tôi không hiểu biết gì và không thể liên hệ đến Phật-giáo ».

Một sự yên lặng kéo dài. Đôi mắt của người đối thoại tôi đang nhìn vào một còi xa xăm nào. Tôi có cảm tưởng như ông ta không còn đứng cạnh tôi nữa. Một mùi hương nồng nàn xông vào mũi tôi, phát xuất từ những cây hương thấp trên một tủ chạm cùn lộng lẫy, có trang hoàng một bó hoa lai-ơn và hoa-lan. Tôi hỏi ông Huân về các vật đó.

— Trong tất cả những gia đình chúng tôi đều có một bộ đồ gỗ dành riêng cho ông bà chúng tôi. Hôm nay nhằm ngày giỗ nên có thắp hương, còn mọi ngày tôi chỉ thắp hương vào buổi tối và lúc đó tôi tưởng niệm đến ơn sinh thành của ông bà chúng tôi. Sự thờ cúng người quá cố này — song song với đạo Phật — không

phải là một tia gương và cũng không phải là một sự mê tín, mà chỉ là sự duy trì một truyền thống do đó mà gia đình Á-đông Phật-giáo chúng tôi khác với gia đình Tây-phương. Mỗi buổi tối, tôi tâm nguyện với ông bà chúng tôi — và tôi tự gây lấy tin tưởng của tôi trong tư tưởng ấy — là tôi noi theo những lời dạy dỗ rất giản dị mà ông bà đã truyền dạy chúng tôi. Như ông thấy đó, đó là một chủ trương trái với lẽ lối của những nước theo duy vật thường hay nói không ngược với lương tâm: « Ngày xưa cha tôi làm thế, nhưng nay tôi thuộc thời đại khác, tôi suy nghĩ và hành động cách khác, mỗi người làm theo sở thích của mình! »

Ông Huân nói tiếp: — ông đã hỏi tôi « Phật-giáo là gì? » nhưng trước hết hãy cho tôi biết thử, nếu tôi hỏi ông « Ba-lê là gì? » ông sẽ trả lời tôi ra sao? làm sao ông có thể tổng hợp được lanh chóng và đúng đắn con đường Mouffetard và điện Elysées, những phường trú ngụ với những xóm thặng dân số, viện Bảo tàng Louvre với sở giao dịch chứng-khoán. Làm sao ông có thể trình bày cho tôi trong một cái nhìn tổng-quát, kẻ phóng đảng đi chơi đêm, kẻ bầu-cùng và ông kỹ sư, những người có xe ô-tô đẹp đẽ và những kẻ vội vã trong xe lửa chạy dưới đất? chắc ông biết câu chuyện ngụ ngôn con voi và mấy người mù chứ?

Đây không phải là lần đầu tiên tôi hỏi một Phật-tử về vấn đề Phật-giáo — Và câu chuyện của ông ta mỗi lần đều bắt đầu bằng truyện ngụ ngôn con voi và mấy anh mù. Truyện ấy hẳn đã thành một nghi-lễ.

Trên cá vô thần và hữu thần

Một nhà vua kia sau khi đã tập họp một số người mù cho dắt đến một con voi. Vua bảo họ sờ con voi. Kẻ sờ đầu, kẻ sờ tai voi, kẻ sờ ngà voi, hay đuôi voi. Vua mới hỏi họ đó là cái gì. Kẻ trả lời: đây là một cái nia, kẻ bảo là một cái cày, kẻ bảo là một cái chõ, hay là một cái bình to lớn.

— Nói đến Phật-giáo, ông Huân nói tiếp, có thể khiến cho tôi nói ra một câu trả lời không giá trị gì hơn câu trả lời của một kẻ mù kia. Và hơn nữa, khi đàm luận với ông, một người Tây-phương không phải sinh ra là Phật-tử, lại gặp thêm một rắc-rối khác nữa. Một ngày kia con rùa nói với con cá bạn nó là rùa ta đã trở về lại trong hồ sau khi đã du ngoạn trên đất cứng sát.

— Anh muốn nói là anh đã bơi lội trên đất chứ? con cá hỏi. Rùa mới cố gắng giải thích cho cá hiểu là không thể lội trên đất

được, đất là rắn-chắc và phải bước đi. Nhưng có khăn khăn xác định là không thể nào như thế được, mà chắc hẳn đó là một chất lỏng và phải bôi lội nơi đó mới được. Tôi sợ rằng đề cập đến vấn đề Phật-giáo, chúng ta không khỏi sớm muộn đàm luận như 2 người điếc nói chuyện với nhau.

— Dù sao ông cũng cứ việc giải thích cho tôi. Những nguyên tắc của tôn giáo ông là gì?

— Phật-giáo không phải là một tôn giáo, đó chỉ là một học thuyết và một triết học...

Đến đây chúng tôi xin mở một dấu ngoặc, và cho chúng tôi tạm lánh trong chốc lát ông Huân và gian phòng đầy mùi trầm hương của ông. Trong khoảng thời gian tôi nghiên cứu đây, tôi đã hỏi cũng một câu hỏi như thế với nhà xã hội học Huỳnh-cao-Trí. Ông này đã nói với tôi, vẫn luôn luôn với một nụ cười Á-đông ấy trên môi:

— Chiều thứ hai, mời ông đến «Sông-Hương». Những Phật-tử học thức và nguồn gốc khác nhau đều gặp nhau tại đây để tham dự một cuộc thảo luận. Tôi sẽ giới thiệu ông với họ và ông sẽ hỏi họ. Sau đó tôi sẽ cho ông biết ý kiến riêng của tôi.

Sông-Hương không phải là một hiệu bán nước hoa, như tôi đã tưởng theo tâm tư con người Tây-phương của tôi, mà lại là một quán ăn. Đây là những câu trả lời tôi đã nhận được:

Một cựu Đạt-lá của quân đội cựu hoàng Bảo-Đạt: — Đúng vậy, Phật-giáo là một tôn giáo.

Một người Cao-miên, đang soạn một luận án Tiến-sĩ triết học: Đó là một tôn giáo, bởi vì chúng tôi cầu nguyện Phật và Trời.

Một Kiến-trúc-sư Trung-hoa: Tôi, tôi không thấy bao giờ thấy có sự sai biệt giữa Phật và Trời.

Ông chủ hiệu: Chúng tôi tin ở thuyết linh hồn di thể, sự kiện đó chúng tôi rõ ràng đó là một tôn giáo.

Một kỹ-sư Nhật-Bản. — Không mà! Đức Phật, chính Ngài, đã được người Bà-la-môn-giáo giáo huấn, Ngài đã truyền bá một học thuyết, theo chính lời Ngài nói, chỉ đã tốt đẹp cho hạng người trong năm thế kỷ sắp đến và phải duyệt xét lại học thuyết đó. Chuyện đó cách đây đã 25 thế kỷ rồi! Phật-giáo đã tồn tại, và tùy

theo các nước đã du nhập vào, đã sanh ra những học thuyết và rất nhiều môn phái trong đó giáo lý của Phật-giáo đã xen lẫn với triết học với siêu hình học đang chiếm ưu thế hoặc được sáp nhập sau đó : nào là Không - giáo, Lão - giáo, Thần - giáo, Đa - Thần giáo, thuyết linh-hồn vạn-vật v. v.. Do đó phát sinh không biết bao là ý kiến về Phật-giáo. Qua các điều nói trên, có lẽ chúng ta có thể đưa ra một định nghĩa như thế này. Phật-giáo là một lối hiện hữu, một cách phản ứng, xử sự trong đời sống, nhưng chắc chắn không phải là một tôn giáo theo định nghĩa của gốc chữ, theo chữ *La-tinh religare* nối tiếp, vì rằng chúng tôi không có tín điều (dogme) không có lễ rửa-tội, và chúng tôi không có sự tiếp-nối với Thần minh do những vòng nối thường thường được chấp thuận ở Tây-phương : những vị Thánh, Giáo-hoàng, v. v.. Tại các nước chúng tôi những tín đồ tự mình tiếp xúc trực tiếp thẳng với Thần minh không qua sự nhờ vả và trung gian nào giữa người tin với Thần minh. Vậy thời y theo gốc danh tự, chúng tôi không phải là một tôn giáo ! Còn nói thêm chút nữa : người Phật-tử không mấy may bị bó buộc phải « nối tiếp » với ngành Phật-giáo mà mình đã được thụ huấn. Đó có thể là một Phật tử Đại-thừa cho đến 20 tuổi rồi lại theo những tu tập của đạo Lão hay đạo Không để chấm dứt bằng một sự trở lại những ngành khác nhau đó ở nơi cá nhân mình.

Nhà xã-hội học Huỳnh-Cao-Trí, luôn luôn tươi cười, đã nghe trộm những câu trả lời cho tôi, và đến phiên mình, ông nói : vũ-trụ khai-tịch luận của Phật-giáo là một trong những thứ phức tạp nhất đó. Để bắt đầu, chúng ta chỉ gỡ rối vấn đề, nhằm đến hai ngành chính yếu của Phật-giáo là Tiểu-Thừa và Đại-Thừa.

Những tín đồ Tiểu-Thừa đi theo con đường Đức Phật đã vạch ra noi theo những giới luật của Đức Phật mà không xem Phật là một hóa thân của Thần minh, mà chỉ thuần túy-giản dị là một con người nhờ sự tự cố gắng và trí huệ của mình mà trở nên một con người tuyệt mỹ, con người cao cả hơn hết.

Đó là một lối sống trừu tượng và tịch thần không có phần thần thánh mà rất đông người ham thích. Bởi vì Phật-giáo đã được truyền bá tại những xứ mà người ta sống trong cái siêu nhiên và thần thoại, những nơi mà sự linh hồn đôi khi đã được chấp thuận hòng thường xưa nay, cho nên đã phải có cái quan niệm « phổ thông » hơn, là một đức Phật Thánh-thê tọa vị trong một cái điện Vạn-Thần rộng lớn, từ cõi trời xuống trần gian trong hình thức một con voi

nhỏ và chui vào lòng Hoàng-hậu Ma-Gia để hóa sanh thành một trẻ đem tiếng nói của chốn Cao-cả xuống. Do đó mà có Đại-Thừa.

Nhưng vì những giới luật về đời sống của Tiểu và Đại-Thừa cũng tương đương nhau, nên trên thực tế không gì là trái ngược giữa tín đồ thuộc phái này hay phái kia. Cũng vì vậy mà tùy theo những người diễn đạt, những Phật tử là vô thần hay hữu thần.

Vậy còn ông, ông tin gì? — Tôi nghĩ rằng Phật-giáo đứng ra ngoài vô-thần luận cũng như hữu-thần-luận. Tôi tin lời Phật là Chân-lý, Ngài đã dạy: « Không cần tin tôi như một đại diện của Thần-minh, nhưng hãy suy nghiệm để xem thử những lời tôi nói có hợp với lý trí không? Và sau đó hãy nghe theo tôi, nếu không thì là vô ích... Tôi không đòi hỏi được nhìn nhận là một Thần-minh, nhưng là một người đem đến lời nói của Chân-Lý Vĩnh-Cửu »,

Mở mắt và nhìn tự do

Người đối thoại của tôi nói tiếp:

— Đức Phật, đây là điều cốt yếu, không muốn một ai tin Ngài một cách thụ động; con người, theo Ngài, phải trở nên hoàn hảo hơn nhờ trí huệ của mình. Dân chúng Kesapputta thắc mắc trước những học thuyết khác nhau do các Bà-la-môn-giáo dạy về, đến hỏi Ngài thì Ngài đã trả lời: « Khi chính tự các người đã biết những sự việc gì là bất lợi, già đối và xấu xa thì các người hãy từ bỏ chúng đi. Và khi tự các người đã biết những sự việc gì là thuận lợi và tốt đẹp, thì hãy chấp nhận và thực hành. »

— Đức Phật đã dạy mọi người phải mở mắt ra và tự do nhìn xem; Ngài không bịt mắt họ lại mà bảo họ phải tin; Đại-đức Walpole Rahula Tiêm sĩ Triết-học đại-học Tích-Lan đã nhấn mạnh thêm.

Đức Phật đã vạch ra những giới luật về đời sống, giản dị và hữu hạn, đem lại hòa bình và hạnh phúc cho con người. Một ngày kia, trong rừng Simsapa, một đệ-tử của Ngài đã nói với Ngài là giáo-lý của Ngài không thỏa mãn cái hiếu kỳ của trí thức, thì Ngài cầm một nắm lá trong tay và hỏi người đệ tử đó: « Đám lá nào nhiều hơn? Lá trong tay ta hay lá trong rừng? » Tiếp theo câu trả lời « những lá trong rừng chắc chắn là nhiều hơn », Ngài liền bảo: « Cũng vậy, ta đã nói rất ít cho các người những điều ta biết, và điều ta không nói cho các người là nhiều hơn. Và tại sao ta không nói cho các người những điều đó? Bởi vì không ích gì cả. »

Đại-đức Rahula còn nói thêm :

— Đức Phật không chú trọng đến những vấn đề siêu hình vô ích chỉ thuộc về lý luận và chỉ tạo ra những vấn đề tưởng tượng. Ngài đã xem chúng nó là « một bãi sa mạc ý kiến ».

Thái độ đó không phải là luôn luôn được tán thưởng, dù ngay cả đến những đệ tử của Phật, trong khi trái lại những người Bà-la-môn-giáo lại trách rằng ngài đã nói quá nhiều. . .

Giáo lý của Đức Phật căn cứ trên năm quy luật, nói đúng hơn là ngũ-giới : 1) không sát sanh 2) không trộm cắp 3) không tà dâm 4) không vọng-ngữ 5) không uống rượu.

— Sự thực hành ngũ-giới đó xem ra có vẻ giản dị, ông Huỳnh-cao-Trí nói với tôi. Trên thực tế, sự thi hành triệt để đòi hỏi một kỷ luật mạnh mẽ. Chúng ta hãy lấy giới thứ nhất « không sát sanh ». Đối với các ông, những người Tây phương, điều đó có vẻ thô sơ. Phải cần hiểu rộng ý nghĩa câu đó. Đối với chúng tôi những Phật-tử, không sát hại người anh em, là đáng khen. Không giết hại kẻ thù lại còn hơn nữa. Không giết hại một người vì lý do họ khác màu da khác chủng tộc, lại còn càng hơn nữa. Nhưng đừng giết hại một sinh vật nào mang mầm sống dù thuộc loại nào, lại càng đáng khen nhiều hơn nữa. Vì lý do đó, các vị Sư chúng tôi đều ăn chay, nghĩa là không những kiêng ăn thịt mà còn kiêng dùng cả trứng. Tôi đây, một kẻ sống trong đời thế-tục tại Ba-lê này, tôi giữ mỗi tháng mười ngày hoàn toàn ăn chay (thập-trai) Đức Phật đã khuyên không nên bao giờ giết hại một con vật, đọc bài kinh chú nguyện trước khi uống nước vì Ngài nói : « trong một giọt nước có vô số sinh vật ». Đó là một lời tuyên bố rất khoa học kể từ một thời đại mà người ta chưa biết là có vi-trùng !

— Đức Phật, ông Nguyễn-Trần-Huân nói, đã không cho chúng ta một mệnh-lệnh nào, Ngài chỉ cho chúng ta thấy những điều cấm làm chúng ta sống hòa hợp trong xã-hội, bằng cách tránh những sự thái quá của Bà-la-môn-giáo mà Ngài phản đối.

Đi tìm Giác-Ngộ

Con vua Tịnh-Phan nước Ca-Tỳ-La-Vệ, một vương-quốc nhỏ ở phía sườn núi Hy-Mã-Lạp-Sơn xây mặt về Ấn-độ, người được gọi là Đức-Phật đã được đặt họ là Tất-Đạt-Đa. Sau cái tên gia đình Cù-Đàm, người ta đặt thêm cho Ngài tên Thích-Ca Mưu-Ni (nghĩa là người hiền triết của dòng họ Thích-Ca).

Mẹ của Ngài, Hoàng-hậu Ma-Gia đã mất sau 7 ngày khi sinh Ngài. Người di của Ngài Mahaprajapati đã nuôi Ngài cho đến lớn, chăm sóc cho Ngài được luôn luôn sống trong xa hoa, không biết đến sự nghèo nàn cực khổ, và chẳng điều đó trong thời đại bấy giờ là một lối giáo dục và lối sống theo tập quán của những Hoàng-tử Đông-Bắc Ấn-Độ. Cho nên muốn đi từ cung điện đến vườn hoa Lâm-Tỳ-Ni, Ngài phải đi ngang qua thành phố.

Trước khi xe Ngài đi qua, một số đông viên chức và tôi tớ ở cung điện đã ra phố đuổi đi nơi khác những kẻ ăn xin, những kẻ nghèo khổ, ra lệnh cho những người già cả, những kẻ bệnh hoạn kẻ suy nhược phải ở trong nhà không được ra ngoài đường. Trong các con đường mà Ngài đi qua, Ngài chỉ gặp toàn những thanh niên, thanh nữ vui-mạnh và lễ độ (những nhân viên « ban trật tự » cũng xen lẫn với họ) óac cửa sổ các nhà đều kết dây hoa. Thái-tử Tất-Đạt-Đa không biết rằng người ta có thể đau ốm, nghèo nàn, già nua, hay là chết chóc!

Nhưng một ngày kia — Đức Phật bấy giờ đã 19 tuổi — trong một buổi dạo thành phố, những nhân viên hộ vệ Ngài đã lơ lửng sự kiểm soát và không kịp xua đuổi trên đường Ngài đi một người già, một bệnh nhân, và một người chết nằm giữa đất. Ngài mới hỏi người đánh xe những người ấy bị phải cái gì.

— Đó là số phận của mọi người, người đánh xe trả lời.

Đức Phật tiếp tục quan sát. Ngài thấy một thầy tu đi khất thực áo quần rách rưới.

— Người này đã lìa bỏ gia đình để sống cuộc đời lang thang. Người đánh xe trình bày với Ngài như thế.

Bằng khuâng Đức Phật trở về cung và suy tư. Va chạm với sự thật ở đời, Ngài quyết định tìm sự giải thoát đau khổ của nhân loại. Ngay đêm đó, Ngài đã ra đi vào rừng sâu, rời lang thang theo lưu vực của sông Hằng, và tiếp xúc với các Giáo sĩ danh tiếng nhất thời đó. Theo ý Ngài nghĩ, để đạt được sự Giác ngộ, có thể đưa đến giải thoát, Ngài thực hành những phương pháp của họ. Ngài không ngồi, ngủ trên giường đầy gai góe, trải qua những ngày dài mà chỉ ăn một ít gạo và mè.

Trải qua sáu năm khổ hạnh như vậy, Ngài đã chiến thắng được tất cả mọi ham muốn của thân xác, nhưng Ngài đã trở nên ốm yếu như một bộ xương, nhận thấy suy nhược và cảm nhận cái trí mà

Ngài đã kiểm soát được trong một thời gian, đã trở nên hôn ám. Giác ngộ không đến. Thế rồi tại Bồ-đề-đạo-tràng không xa Ba-la-nại bao nhiêu, một người nữ bộc, nàng Tu-xà-Đa thấy Ngài và dâng Ngài một bát nhê-hồ. Ngài nhận. Năm vị đạo-sĩ mấy lâu sống bên cạnh Ngài, lấy làm kinh ngạc. Họ bỏ Ngài ra đi. Nhưng Đức Phật sau khi dùng xong bát cháo sữa cảm thấy khỏe khoắn. Ngài đi tắm, cảm thấy khoan khoái hơn nữa. Ngài ngủ trưa, xong dậy ngồi kiết già, (tư thế ngược với lối khổ hạnh, mà các đạo sĩ Bà-la-môn đã cấm Ngài ngồi) và sau đó, Giác ngộ đã đến với Ngài.

Ngài đi tìm năm vị đạo-sĩ đã bỏ Ngài, và thuyết pháp cho họ nghe: bài thuyết pháp đầu tiên của Ngài. Ngài đã tìm thấy cái đau khổ là phổ cập, sinh ra do cái ham muốn của con người tham sống, tham dục vọng. Bằng cách diệt dục, thoát khỏi dục vọng, con người đạt được giải thoát tiêu diệt được mọi cảm giác và do đó diệt luôn được cả đau khổ. Con đường để đến giải thoát là phải sống một đời sống trong sạch, xa lánh cực đoan. Cần xa lánh một đời sống hèn hạ dẫm dúi trong khoái lạc và vui thú cũng như lánh con đường buồn bã và vô ích của sự ép xác và khổ hạnh. Nên theo con đường vừa phải, con đường trung đạo ở giữa, nó đưa đến an-lạc và trí-huệ.

Tôi nói với ông Nguyễn-trần-Huân:

— Con đường trung đạo cấm ép xác ấy hình như không được các giáo-sĩ nghe theo, chà hạn như họ đứng rất lâu đưa tay lên trời cho đến bao giờ cánh tay bị khô ráo hay suy nhược hay là hơn nữa họ tự chặt lấy cánh tay...

— Chúng ta không nên lầm lộn! Đó chỉ là sự thực hành của một số Bà-la-môn giáo nhiệt tín và hủ lậu mà chính ngay Đức Phật đã phản đối. Những ai theo đuổi những hành động mê tín thô lỗ đó không phải là những người Phật-tử; đó là những người Ấn-độ-giáo đã trung thành với truyền thống Ấn-độ-giáo hay là đã trở lui lại Ấn-độ-giáo sau khi từ bỏ giáo-lý của Phật đã dạy.

— Tuy nhiên, ở Ấn-độ, có sự xen lẫn nhau? ..

— Phải, bên cạnh Tiểu-Thừa và Đại-Thừa mà chúng tôi đã nói đến, còn có một nhánh quan trọng của Phật-giáo: phái Mật-tông được thực hành ở Ấn-độ đồng thời với Đại-Thừa. Trên thực tế, phái Mật-tông tương quan với Đại-Thừa, nhưng các phần thừa thọa lại càng dồi dào nhiều hơn và do đó tủa ngược Ấn-độ-giáo phát sinh ra. Những

người Phật-tử Mật-tông tin rằng với những cử chỉ với những ngôn ngữ nào đó, họ có thể tham gia vào sự diễn tiến của thế giới. Nhưng họ không có hành động ép xác nào cả. — họ để việc đó cho người Bà-la-môn giáo — họ chỉ tìm cách tiếp xúc với Thượng đế với những lời tụng niệm máy móc, cái máy xay cầu kính, với sự lặp đi lặp lại vẫn « om » hằng giờ, hay là — đây là trường hợp của những đạo sĩ du già — họ tìm cách kiểm soát điều hòa hơi thở.

— Tuy vậy, những vị Sư đã tự sát cũng chính là những Phật-tử. Và sự tự sát theo tôi, người Tây-phương, là một hình thức cực đoan của khổ hạnh...

Bác sĩ Nguyễn-trần-Huân suy nghĩ một lúc rồi nói:

— Đó là một phương pháp cũ của Ấn-độ-giáo, không phải đặc biệt của Phật-giáo. Dầu sao, mỗi người hành động theo lương tâm của mình, theo sự hiểu biết của mình và về phần khác tôi nghĩ rằng lửa làm cho trong sạch. Vậy nên ở Việt-Nam, khi người con gái đi lấy chồng, trước lúc vào nhà chồng mà từ nay sẽ là nhà của mình, nàng phải bước qua một đám lửa, để vào nhà cho được trong sạch.

Không phải là chuyện hiếm có mà những vị Sư thời trước hay tự thiêu mình khi sắp hết đời mình. Nhưng đó chỉ là sự thực hành của những nhà Sư, đến mức đức hạnh cao cả, đã vượt ra khỏi con đường trung đạo của Phật dạy. Vì cứ ăn mãi rất ít — chỉ một ít cơm vào lúc ngọ, chứ không ăn gì thêm trong ngày — cứ thuyền dề xua đuổi khỏi mình tất cả những mầm mống của dục vọng để được Giác ngộ, đạt được chân lý thuần túy, người ta có thể thật vậy, đến trình độ không còn dục vọng gì nữa, ngay đến cả sự tham sống. Thế thì trong trạng thái mà người ta thấy gần Phật, tự cảm thấy mình như là một vị Phật, một giải pháp tự hiện đến trong trí là muốn thoát khỏi hình hài xác thịt và nhảy một nhảy thật cao không chần chờ nữa. Riêng theo tôi, người Phật-tử chân chính không phải là vị Sư sống biệt lập, dù cho ông ta có sống cuộc đời của một vị thánh trong hieu quạnh, mà lại là người sống trong hoàn cảnh xã hội, — một điều rất khó và đòi hỏi một khuôn phép rất lớn, — và theo rồi những phát minh khoa học và những khảo cứu triết học. Do gương sáng của mình, do sự phát huy ảnh hưởng của mình, sự tìm tòi thường xuyên Chân lý, vị đó truyền bá Chân-lý, — thứ Chân-lý không có « phù hiệu », không dán một nhãn hiệu: không có Chân lý

Phật-giáo hay là chân-lý Thiên-Chúa-Giáo, chỉ có: Chân-lý. Do đó vị ấy soi sáng người khác với ánh sáng của mình.

Sự chuẩn bị cho «cuộc du hành xa»

Chúng tôi cũng đặt một câu hỏi như trên với nhà xã hội học Huỳnh-cao-Trí. Ông trả lời cho chúng tôi:

— Đừng nói đến sự tự sát! Không phải là các vị Sư đã tự sát! Họ đã tự hy sinh. Người ta chỉ tự tử trong trạng thái khủng hoảng say mê. Một người bị lương tâm, trí óc bị mờ ám, rồi tự hủy hoại tiêu diệt lấy mình, người đó đã có một hành động bạo lực. Nhưng Phật-giáo đã cấm mọi sự bạo động, nơi người khác cũng như chính nơi mình. Mà ở Việt-Nam các Phật-tử đã gặp một trường hợp rất đặc biệt. Cố nhiên là trong sự giải thích tôi nói ra với ông, tôi sẽ giữ thái độ khách quan, tôi không đề ông ước đoán, mặc dù tôi có nêu ra ý kiến gì. Tôi chỉ muốn cố gắng làm cho ông hiểu cái gì đã xảy ra trong đầu óc của các nhà sư đã tự hy sinh và vì vậy, chúng ta nên tự đặt mình trong địa vị của họ.

Khi nghĩ rằng Phật-giáo đã bị tấn công hết sức nguy hiểm họ có thể làm được gì? Dùng khí giới ư? Điều đó đã bị cấm, dù có dùng khí giới ngang nhau hay nhiều hơn đi nữa. Một Phật-tử không làm hại người đồng bào, dù đây là kẻ thù địch của mình. Vậy chỉ còn một phương thế hành động: thực hiện một hành động nó chứng tỏ lòng chân thành sự cau đăm và nhẫn nhục của mình, và nó có thể gây ra một lực lượng tinh thần khả dĩ thắng được lực lượng vật chất.

Sau một đời sống đức hạnh và thùy nhiên nhờ đó đã tận diệt những dục vọng lôi cuốn vào sự sống, nhà Sư bây giờ đã hướng tâm trí vào lãnh vực tinh thần. Ở đó nhà Sư đã sát với Chúa Giê-su khi Chúa nói «xứ sở của tôi không phải là ở thế giới này». Cũng giống như người mẹ, dù theo tín ngưỡng nào, không ngăn ngại tự hy sinh nếu là cần thiết để cứu vớt con cái của mình, nhà Sư cũng vậy không ngăn ngại tự hy sinh nếu nghĩ rằng hành động của mình có một phần động hữu ích.

Hơn nữa, không phải ai muốn tự hy sinh cũng được. Chẳng hạn, Thượng-tọa Thích Quảng-Đức, vị Sư đầu tiên đã tự thiêu hôm 11-6 đã qua, đã được chấp thuận cho phép tự hy sinh một tháng trước khi thực hiện sự hy sinh. Bắt đầu từ ngày đó, với những

lời cầu nguyện của mình và của những người khác chung quanh mình. Ngài đã chuẩn bị cho cuộc du hành của Ngài ở nước chúng tôi, không phải như ở Tây-phương, người ta không xem cái chết là sự chấm dứt của một cuộc đời, mà chỉ là một cuộc du hành xa xuôi mà người ta lo sửa soạn sẵn sàng... đúng như các ông khi ra đi trong một cuộc du hành quan trọng: các ông sắp đặt đồ đoàn có thứ tự.

Khi ông nội tôi đã cảm thấy đuối sức, ông chọn một cây trong vườn nhà chúng tôi cho hạ xuống và cho làm một cái hòm đúng theo với ý nguyện của ông... Thật là khó mà giải thích cho một người Tây-phương. Cái tư tưởng Phật-giáo cách biệt một trời một vực với cái « *cogito, ergo sum* » (tôi suy tư, tức là tôi hiện hữu) của triết gia Descartes. Chúng tôi nghĩ cái các ông gọi là cái « *tôi* » chỉ là một tổ hợp những thành phần liên hệ nhau, cùng nhau tác động trong sự liên hợp, như một bộ máy tâm-sinh-lý, nhưng những thành phần đó vẫn tiếp tục tồn tại, tức là vẫn hoạt-động mà không cần có một cái « bản nhiên » để huỷ động chúng nó, sau khi cơ thể vật chất đã không còn tồn tại nữa.

Như Đại-đức Walpole Rahula đã nói, một đứa con trẻ lớn lên trở thành một người sáu mươi tuổi. Hiện nhiên người này không phải như người đã sinh cách đây sáu mươi năm mà lại cũng không phải một người khác. Cũng vậy, một người sinh chỗ này, tái sinh chỗ khác cũng không phải là trước sau một người đó mà lại chẳng phải một người khác nốt. Đó chỉ là một sự diễn tiếp của một loại...

— *Vậy thì ông tin ở thuyết luân hồi, thuyết linh hồn di thể?*

Người Ấn-độ tin như thế, người Ai-cập cũng vậy. Đối với các triết gia Hérodote, Pythagore sự linh hồn di thể không phải là một mối nghi ngờ gì nữa. Platon trong tập đối thoại Phédon đã đưa thuyết linh hồn di thể lên đến trình độ triết lý. Những Phật-tử của phái Đại-Thừa nghĩ rằng những kẻ có những quan niệm sai lầm đặc biệt thì đến lúc chết sẽ đầu thai làm thân con chó. Tôi xin nhấn mạnh là những tà kiến chứ không phải tội lỗi. Đối với Phật-tử, không có người phạm tội, người phạm tội không bị « trừng phạt » vì hành động của họ (dù rằng ở trong dân chúng có truyền bá những ý niệm về Địa-ngục tương tự với thứ địa-ngục của các ông, nhưng còn rùng rợn hơn) những hành động sai quấy của kẻ phạm tội là do những quan niệm sai lầm của nó mà sinh ra. Nó đã lưu giữ những tà kiến ấy vì nó ở trong trạng thái vô minh, vì nó không cố gắng tinh tấn. Sự chuyển đời của nó vào những loại tương đồng hay thấp hơn không phải là một hình phạt.

điều đó cũng gần như tình trạng của một học sinh không chịu học hành nên đầu niên khóa phải ở lại lớp, ngay có khi cũng phải trượt xuống lớp học một năm.

— Và theo tôi tưởng, những học sinh giỏi giang thì đâu thất trong một loại cao hơn?...

— Vâng, cho đến lúc chúng đạt được Niết-bàn. Xét đến cuộc đời đặc biệt đức hạnh của các vị Sư đã tự hy sinh, chúng ta có thể nghĩ là họ đã đến kiếp chót trong các kiếp sống liên tiếp của họ và họ tất nhập vào Niết-bàn.

— Vậy đúng ra, Niết-bàn là gì?

— Ô! biết bao là sách đã viết về vấn đề đó, không thể diễn tả với những chữ, - chúng chỉ tượng trưng cho tư tưởng và sự vật quen thuộc của chúng ta -, cái kinh nghiệm siêu-nhân là Niết-Bàn ấy được. Đó là một ý niệm chỉ đến với những người đã rất thông suốt khoa-học siêu-hình. Nếu ông thích, chúng ta hãy cho đó là một cái Điện-Vạn-Thần trong đó bằng bạc cái tinh túy của những người mà trí lực đã đạt tới một trình độ tuyệt vời và vì thế đã trở thành những vị Phật không còn luân hồi dè tinh tấn. Giải thích Niết-Bàn thì cũng gần giống như tôi hỏi đến cái định nghĩa về Thiên-Đàng của ông vậy, hay là trong phạm vi thô sơ hơn, giải thích thuyết tương-đối cho một đứa bé lớp mẫu giáo.

Không sợ chết

Một người Nhật đã đến thăm người đối thoại của tôi giữa lúc chúng tôi còn đàm đạo. Người ta giới thiệu cho tôi đó là giáo-sư Keniji-Futusaka, chuyên viên về nghệ thuật chinh chiến. Không mở miệng nói lời nào, ông ta đã chăm chú nghe ông Trí nói chuyện với tôi. Hỏi ông ta thuộc về nhánh Phật-giáo nào, ông trả lời cho tôi:

— Tôi thuộc về Nhật-Liên-Tôn. Trong bộ kinh Pháp-Hoa, Đức Phật 10 năm trước khi nhập-diệt, đã tiên tri — nhà Sư Nhật-Liên (Nichiren) đã tán dương lời tiên tri ấy vào năm 1254 — là Phật-giáo sẽ bị suy tàn sau này khi mà các thế hệ không thể hưởng thụ ảnh hưởng Phật-giáo, không thiên định những năm này qua năm khác. Những hình thức Phật-giáo đã bị hư hỏng, cần phải có những hình thức mới mẽ để phục hồi Phật-giáo lại. Nhật-Liên-Tôn là một phương pháp tiệm tiến và khoa học — Chúng tôi muốn hướng khoa-học vào những mục đích Phật-giáo, có một tôn giáo đủ sức mạnh để lãnh đạo chính trị, kinh tế, văn hóa và mỹ thuật.

— Điều đó đối với tôi hình như là bao hàm những mục-phiếu chính trị...

— Chúng nó rất cần thiết để thiết lập một thế quân binh tuyệt mỹ và hòa hợp trong xã hội. Nếu những Phật-tử Việt-Nam đã sớm biết canh-tân kịp thời và, thay vì giới hạn trong sự tham thuyến, chú trọng đến những sự kiện đương thời như chúng tôi ở bên Nhật nơi mà chúng tôi hiện có 12 triệu tín-đồ, những địa vị then chốt, những cán-bộ trong cơ cấu hành chánh và xã-hội của xứ sở, thì những vấn đề hiện tại không còn với họ nữa, và cũng không có những lễ thiếu hy sinh của các vị Sư đó nữa. Tôi xin nói rõ ở đây là tôi nói vấn đề đó không phải vì tình thần chính trị mà vì tình cảm Phật-giáo.

— Ông, ông có thể hiểu được cái cảm tưởng khó chịu mà người ta không khỏi nhận thấy trước những vụ hỏa-thiệt như vậy?

— Cái cảm giác khó chịu đó là do sự phản ứng của ông trong tánh cách người Pháp. Ở đây có những thành-ngữ thông thường như là: « Tôi phải lo giữ thân mạng của tôi, người ta chỉ sống một lần » Ông cũng có ngay một bài hát bắt đầu bằng câu: « Khi người ta chết là hết chuyện rồi... »

Ở nước chúng tôi, từ bao nhiêu thế kỷ, giáo dục mở lòng của chúng tôi là: Không sợ chết. Sự hy sinh của các nhà Sư có thể ví với những cảm-tử-quân Kamikazé (Thần-phong) trong lúc chiến tranh đã ra đi trên những chuyến phi-cơ phóng ngư lôi và chịu chết bị nổ theo các phi-cơ đó. Những phi-công đó đều có tín ngưỡng. Họ nghĩ rằng hi sinh cho nước Đại-Nhật họ sẽ được đầu thai lại tốt đẹp hơn. Đến đây xin mở đầu ngoặc: vừa rồi, ông có nói đến sự hờn dỗi xác, hờn di thể. Nếu ông muốn sát với quan niệm chúng tôi, ông hãy dùng chữ: tái sanh.

Lại luôn luôn lấy ví dụ về chiến tranh. Chúng tôi là một nước ít bị tù binh nhất. Chỉ có hai phần trăm tổng số quân Nhật đưa ra trận bị bắt làm tù binh. Trong đó đã 1,9 phần trăm là thương binh. Tỷ số tù binh vì tình thần bại hoại đã dơ tay đầu hàng hơn là để bị giết là đúng gần 1 phần ngàn số quân ra trận. Là vì ở nước chúng tôi, có Quy-luật Danh dự, tình thần Vô-Sĩ-Đạo, căn cứ trên giáo lý Phật-giáo về sự tái sanh. Đè mắt mặt, tức là phải chịu tái sinh trong những hoàn cảnh xấu xa. Đầu hàng kẻ địch hay lẩn trốn kẻ địch thì làm cho mình mất mặt. Chỉ có những con chó mới chạy trốn trước kẻ thù.

Và ngay cho người không có tía ngưỡng đi nữa — rất có nhiều người ở nước chúng tôi nói thế —; sự kính thường cái chết vẫn có, vì đi truyền Phật-giáo của chúng tôi. Đời sống quá mong manh quá vô thường. Ý thức về vô thường của đời sống là quy tắc căn bản của chúng tôi. Bên cạnh chúng tôi, các ông, những người Tây-phương, các ông hơi giống như những người già-cả sợ bước qua đường thì xe cộ có thể làm họ chết. Ấy cũng là một hiện tượng như thế đó.

Khi con người đã quen với ý tưởng của sự chết phật phơ thường xuyên, người ta không còn sợ gì cả, người ta đã trở nên an ổn trong cái bất ổn, người ta thấy khỏe khoắn — Vì thế ông thấy ở nước tôi, ngay những người nhỏ cũng lui tới an dâm...

— *Vậy còn linh hồn con người? Những người Phật-tử có tin ở sự tồn tại của linh hồn không?* — Tôi đã hỏi trước câu này với ông Nguyễn-Trần-Huân. Ông đã « trả lời » bằng cách kể lại dụng ngữ của Đại-Đức Rahula sau đây :

— Theo Đức Phật, có bốn cách để giải đáp các câu hỏi 1) Có những người cần phải trả lời thẳng cho họ 2) Những người khác thì phải trả lời thế nào để phân tách câu hỏi của họ. 3) Những người khác thì phải trả lời bằng câu-hỏi-lại câu hỏi của họ. 4) và sau cùng có những câu hỏi người ta phải bỏ qua một bên không trả lời.

Ông Nguyễn-Trần-Huân đã thích áp dụng lối trả lời thứ tư này.

Hai Phật-tử Đại-Thừa đã nói với tôi họ tin ở sự hiện hữu một thứ linh hồn gần gần như linh hồn bên Thiên-Chúa-Giáo ; một Phật-tử Tiểu-Thừa đã tuyên bố hiện họ chưa có ý kiến gì, mà vấn đề đó không làm họ thắc mắc gì, ít nhất trong hiện tại. Nhà xã hội học Huỳnh-Cao-Trí chỉ mỉm cười nói với tôi ông ta tin ở nhân quả, một ý niệm khó giải thích cho một người Tây-phương, bởi vì ý niệm đó được định nghĩa như sau : « một hành động trong cái phạm vi có năng lực siêu việt ». Một người khác nói thêm « Đó là tánh đồng nhất của đời sống vượt lên trên những hình thức của đời sống ». Một người khác nữa lại nói : « Ông hãy diễn tả đó là linh hồn, cũng gần như vậy ».

Lời giải thích đối với tôi có vẻ rõ ràng hơn cả là thế này « Đó là toàn thể những hành động của con người từng thực hiện trong nhiều kiếp liên tiếp đã tạo nên nghiệp quả. Trong những kiếp tái sinh sau cùng, con người được hoàn thiện hơn, ấy là thực ra, cái nghiệp quả của nó đã thanh nhã hơn, và khi nghiệp ấy được tuyệt mỹ thì con người đạt được Niết-bàn. »

Ông Phật-tử Nhật-Liên-Tôn của tôi lại nói:

— Tôi tin rằng trong suốt một đời sống của con người, cái năng lực phát huy ra thành một sự có động, một căn-nguyên tinh-lực đều lúc chết thay đổi thể-xác và trở lại trong một đứa sơ-sinh. Ấy là nghiệp lực.

— Ông có đồng ý về sự hy-sinh của các nhà sư không?

— Lẽ ra giải thoát cái tôi hình thức. Nghiệp lực hay, nếu ông muốn, cái linh hồn của con người mà cái thân xác đã hóa ra tro, không còn chỗ nương tựa khiến cho linh hồn muốn trở lại trong một cái hình hài tương-dồng, linh hồn đó không còn tiếc nước, không còn tham dục nào giữ nó lại với dĩ-vãng, như vậy nó rất khoe khoắn dề, tùy theo sự tiến bộ của nó. Có thể chọn sự tái sinh của nó, ... hay là tiến đến Niết-bàn, đó là con đường rộng mở cho các nhà Sư do tu tập thuyên-dịch đã đến gần đấng Cao-cả, có thể đối diện với đấng Cao-Cả.

Đề chấm dứt bài khảo-cứu này, chúng tôi đã hỏi ông T.V.H cựu Thủ-tướng Việt-Nam, ý kiến của ông về sự hy sinh của các vị Sư. Ông đáp:

— Sự hy sinh của các nhà Sư chỉ có mục đích đòi hỏi tự do tín ngưỡng, hy sinh đó không có mục đích chính trị, nhưng tuy rằng không nhằm chính trị, sự hy sinh đó đã đạt một mức đích chính trị vì đã làm thế giới chú ý đến các vấn đề của Phật-tử gồm có 90% dân số Việt-Nam.

Tôi thấy chưa có một hy sinh nào có thể so sánh được... Tôi kính cần nghiêng mình rất thấp trước sự hy sinh cao quý mà các nhà Sư đã dành chịu để đem thắng lợi cho tự-do tín-ngưỡng...

Sau một buổi nói chuyện dài dòng về những sự xen lẫn chính trị tôn giáo ở miền Nam Việt-Nam, khi tôi chào ông cựu Thủ-tướng dề ra về, ông nói với tôi:

— Tôi mong rằng bài khảo cứu của ông soi sáng dư luận về vấn đề Phật-giáo góp sức đem lại Hòa-bình an-lạc trong nước tôi... và trên Thế-giới!

QUANG-ANH dịch

(Lectures pour Tous Nguyệt san số 119 tháng 11 năm 1963)

VƯỜN TRÒ ĐẠO LÝ

NGUYỄN-HẠNH phụ trách

Hôm nay, chúng tôi xin kể hầu quý vị đọc giả mấy bài thơ « TỬ SON KỆ » của Trần-Thái-Tông (1218-1277) Quý vị đều biết Trần-Thái-Tông húy là Trần-Cánh, vị vua đầu tiên của nhà Trần (1225-1400), do mưu mô của Trần-Thủ-Độ, được vợ là Lý-Chiều-Hoàng nhường ngôi cho, khi ngài mới 7 tuổi. Đối với lịch sử, ngài là một bậc anh quân. Đối với văn học, ngài vừa là một nhà thơ, vừa là một nhà văn, vừa là một triết gia đã ý thức được thân phận của con người trong cảnh sống có nhiều « hoàn cảnh giới hạn » là cõi đời trần giới này. Một lần đã toan cắt tóc đi tu, một lần đã bị cưỡng ép phải bỏ vợ (Trần-Thủ-Độ cưỡng ép ngài bỏ Lý-Chiều-Hoàng năm Lý-Chiều-Hoàng mới 18 tuổi, tuổi suýt soát cùng với tuổi của Ngài), hơn ai hết, Trần-Thái-Tông đã ý thức được cái ĐAU KHỔ của cuộc đời. Chính bản thân của Trần-Thái-Tông đã từng chiêm nghiệm cái triết lý: triết lý của sự đau khổ. Do đó, tuy là một bậc hoàng đế, uy quyền vạn thặng, nhưng cái phong thái của ngài vẫn là cái phong thái của một bậc thiền sư. Chúng ta sẽ tìm thấy cái phong thái đó ở KHÓA HU KINH là một tác phẩm bàn đến triết lý Phật-giáo của Trần-Thái-Tông. Tác phẩm này được ngài viết vào khoảng năm 1258-1277, nghĩa là khi ngài đã về già, sau khi nhường ngôi cho con là Trần-Thánh-Tông và trước khi mất. KHÓA nghĩa đen là bài học dạy những điều xác thực để học tập hằng ngày, HU là rộng không; KHÓA HU là cố gắng làm cho lòng mình được rộng không, trong sạch, để nhận lấy những bài học hàng ngày. Do đó, kinh KHÓA HU có thể nói là một cuốn kinh dạy những điều thực tiễn và người tu trì cố gắng noi theo để đạt đến Đạo. Chủ tâm của Trần-Thái-Tông là muốn giúp người tu một phương pháp tu trì, học Đạo, chứ chủ ý của ngài không phải là muốn truyền lại một tập thuyết lý suông. Tuy nhiên, muốn cho

người tu trì dốc lòng tin Đạo, ở phần đầu của tác phẩm, Trần-Thái-Tông đã thuyết về lẽ Sắc Thân, về Sinh Lão Bệnh Tử... để phổ khuyến việc phát bồ-đề-tâm. Trần-Thái-Tông trọng trung đệ nhất diệu ĐỀ KHỔ bằng bốn núi (từ sơn). Bài kệ mở đầu cho KHÓA HU KINH là:

Tứ sơn tiêu bích vạn thanh tùng
Liều ngộ đồ vô vạn vật không
Hỉ đắc lư nhi tam cực tại
Mạch kỳ đả sấn thượng cao phong

Tạm dịch:

Tứ Sơn cao nhất bóng xanh chùng
Giác ngộ rồi ra vạn vật không
Mừng được lư con ba vô đủ
Cưỡi lên chày thẳng chớp cao phong.

Tất cả chúng sinh vì vọng động, nên chìm đắm hoài trong bến mê mù mịt, để cho cái tâm phóng táng đi mãi, không quay trở lại để suy gẫm cái chân lý của cuộc đời. Chính cái tâm của mình đã làm chúng ta rơi vào bến hoặc bờ mê, lên xuống bốn núi. Từng núi thứ nhất vì như tướng SINH đó. Dù hiền dù thánh, dù dốt dù ngu, dù người văn chương lỗi lạc, dù kẻ vũ dũng lược thao, dù trai khỏe dáng tươi nết quả, dù gái khỏe vẻ đẹp nghiêng thành.. tất cả đều không lọt lưới luân hồi, tất cả đều mắc vào vòng SINH HÓA, Tướng sinh của người, cũng như mùa xuân trong năm. Gặp lúc dương xuân, mọi vẻ đều thấy như tươi thắm hưng thịnh:

Chân tở huân đào vạn tượng thành
Bản lai phi triệu hựu phi manh
Chỉ sai hữu niệm vong vô niệm
Khước bội vô sinh thụ hữu sinh.
Tỵ chúc chư hương thiệt tham vị
Nhân manh chứng sắc nhi văn thanh.
Vĩnh vi lãng đặng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.

(Nhất sơn Kệ)

Thiền-Chửu dịch:

Tạo vật hun đúc nên muôn hình
Nguyên không mầm móng không mối manh.

Chỉ sai: có nghĩ, quên không nghĩ
Trái lẽ: không sinh, chịu có sinh.
Mùi lưôi thích hương cùng thích vị
Mắt tai mê sắc lại mê thanh.
Lênh-dềnh làm khách phong trần mãi
Tịnh-Độ quê xa mấy vạn nghìn!

*Bởi vô mình, bởi vọng động, lục-căn cùng lục trần
quấn quít vướng víu cùng nhau, nên mãi mãi kiếp làm
người là một kiếp lặn đọt phong-trần, chẳng bao giờ có
thề đi đến được quê hương miền Tịnh-độ!*

*Từng núi thứ hai, ví như tướng GIÀ ĐÓ. Hình dung
dần dỗi, khi huyết dần suy. Tóc xanh mượt như tơ, má
hồng bóng đào. chợt đến chợt đi, bỗng biến ra da gà tóc
hạc. Tướng già của người đó, tiêu tụy như liễu sang thu
rã rời như hoa mùa hạ; mái tóc xanh của chàng Phan-
An ta đời trẻ không còn, chỉ còn lại mái đầu bạc phơ của
cụ Lã-vọng đương ngời ho lộ-khuyết trên bến vắng. Phải
chẳng bến đó cũng là một thử mê-tâm của kiếp người?
Con người quên không biết rằng thời gian lần lữa, tuổi
trẻ qua đi, tuổi già chóng tới?*

Nhân sinh tại thế nhược phù đầu
Thọ yếu nhân thiên, mặc vọng cầu.
Cánh bức tang du tương hưởng văn.
Thân như bò liễu tạm kinh thâu (thư)
Thanh điếu tích nhật Phan-lang mẩn
Bạch biến đương niên Lã-vọng đầu.
Thế sự thao thao hốt bát cộ
Tịch dương tây khứ thủy đông lưu.

(Nhị sơn kệ)

Thiền Chửu dịch:

Đời người như bọt biển nổi ngầu
Thọ yếu thiên nhiên lọ phải cầu
Cánh tựa bóng dâu gần sắp tối
Thân như bò liễu tạm qua thâu!
Bạc phơ cụ Lã đương khi đó,
Xanh mượt chàng Phan thuở trước đầu!
Ngán nề sự đời thôi mặc quách
Mặt trời gác núi nước xuôi mau.

*Từng núi thứ ba ví như tướng BỆNH ĐÓ. Tuổi càng
cao, bệnh càng nhiều. Đi đứng khó khăn, khi suy huyết
yếu. Mệnh như ngọn đèn trước gió, thân như bọt nổi
mặt sóng. Hình hài gãy yếu, Biển-Thước dù có linh đôn*

cũng phải bó tay. Sức vóc suy vi, Lu nhân dù có thần
dược cũng đành hết cứu. Đến lúc này, con người mới giác
ngộ được nỗi khổ của trần giới mà xa lánh cõi ma quỷ,
quay về cùng Chính-Đạo :

Âm dương khiến đức bản tương nhân
Biến tác tal chuẩn cệp thể nhân.
Đạt đề hữu thân phượng hữu bệnh
Nhược hoàn vô bệnh diệt vô thân.
Linh đơn mạn xá trường sinh thuật
Lương dược nan linh bất tử xuân.
Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới,
Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên chân.

(Tam sơn kệ)

Từng núi thứ tư vi như tướng CHẾT đó. Bệnh ngày
càng nặng, tử thần mang lưỡi hái đến, đem đi. Chết, nghĩa
là bỏ lại tất cả cho cuộc đời. Chết, nghĩa là bỏ lại một
nhịp đời này, để bước sang một nhịp đời khác. Không
có ai có thể chết thay cho, thành thử, tất cả hiền, thánh,
ngu... đều phải bước qua cái ngưỡng cửa Sinh-Diệt. Cái
chết còn cho con người ý thức được rằng « già nua không
hạn tuổi trăm năm, thân thể lại thành ra giấc mộng...
Tường hoa nhà rỗng có làm chi, kho ngọc đồng vàng vô
dụng hết ». Bởi vì, ở phía sau cánh cửa khép kín của da-
đài, người đã chết còn ý-thức được chi, nếu không phải
là còn « nghe gió bắc vi-vèo »?

Bãi dăng cuồng phong quét địa sinh
Ngư ông túy lý diếu chu hoành
Tứ thủy vân hợp âm mai sắc
Nhất phái ba phiên cổ động thanh
Vũ cước trận thôi phiêu lịch lịch
Lôi xa luân chuyển nộ oanh oanh
Tạm thời trần liễm thiên biên tịnh
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh.

(Tứ sơn kệ)

Thiền Chử dịch :

Mặt đất cơn giông gió thổi cuồng
Ngư ông say tíu mặc thuyền buồm
Bốn phương mây phủ màu đen kịt
Một gài sóng reo tiến sóng cuồng
Chuyển vận y-âm xe sấm động
Tóc tung sấm sập trận mưa tuôn
Tạm thời bụi cuốn bên trời tạnh,
Đêm vắng sông trường bóng nguyệt sông (1)

Nguyễn-Hạnh

(1) - Bốn bài dịch này, chúng tôi trích trong cuốn « THÁI-TÔN-HOÀNG ĐẾ
NGŨ CHÊ KHOÁ-HỮ-KINH » của tu-sĩ dịch giả THIẾU-CHỬU, nhà in HUNG-LONG
Saigon, ấn bản 1961, trang 86, 87, 88.

BAN ĐẠI - DIỆN
THỪA-THIÊN

Số : 985 - PG - TT

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM T. N.

VIỆN HÓA - ĐẠO

PL 2.508, Huế ngày 15 tháng 11 dl năm 1964

THÔNG TƯ

TÓI KHẢN

Kính gửi : Các Khuôn-hội
Các Đoàn-thê Phật-tử
Các Trường Phật-Giáo

Những thiệt hại do thiên tai vừa qua tại các Tỉnh Đà-nẵng, Quảng-nam, Quảng-tín, Quảng-ngãi thật nặng nề : Trên 7 nghìn người chết, hàng triệu người không nơi trú ẩn, không cơm ăn, không nước uống.

Một phiên họp được cấp tốc triệu tập chiều nay (15 - 11) và đã quyết định một chương trình cứu trợ như sau :

A. VỀ TINH THẦN :

Một lễ cầu nguyện sẽ được tổ chức tại các Chùa, các Niệm Phật-đường và tại các tư gia .

Thị xã và phụ cận : Trưa rằm tháng 10 và liên tiếp trong một tuần lễ.

Tại thôn quê. Từ trưa mùng một tháng mười một âm-lịch và liên tiếp trong một tuần.

Nghi lễ cầu an (kính Phở-môn) và cầu siêu.

B. CỨU TRỢ :

1. Vật lực và tài lực : 1. Nhịn ăn : Trưa rằm tháng 10 âm-lịch này tại Thị-xã và phụ cận. Trưa mùng một tháng 11 âm-lịch tại Thôn quê. Nhịn ăn vừa để lấy tiền gạo và tiền chợ giúp đỡ, vừa để (đồng lao cộng khổ) bớt đồng bào nạn nhân.

Riêng về Gia-đình Phật-tử Thị-xã và phụ cận, nhịn thêm trưa 22-11-64.

2. Lạc-quyên : Giai đoạn đầu, lạc quyên nội bộ trong các Khuôn-hội, các đoàn Phật-tử, các trường Phật-giáo. Công cuộc lạc quyên này sẽ thực hiện vào ngày rằm tháng 10 tại Thị-xã và phụ cận, ngày mùng một tại Thôn quê. Có thể cúng dường gạo, tiền, áo quần hay thuốc men v.v..

3. Cúng vật-dụng : Có thể cúng vật dụng có giá trị để bán đấu giá. Thương-tọa Linh-mụ đã cúng máy ghi âm và phát âm (magnéophone).

4. Văn-ngệ : Ban Hướng-dẫn Gia-đình Phật-tử Thừa-thiên sẽ tổ-chức 3 buổi văn nghệ có phụ diễn chiếu bóng phim BÁO VỆ CHÁNH PHÁP vào những ngày 20, 21, 22-11 tại nhà hát lớn, bán vé lấy tiền.

Ngoài phương tiện này, Ban Đại-diện sẽ xin phép gắn phù hiệu cứu trợ trong thành phố.

11. **Nhơn lực** : 1. **Đoàn kiến thiết** : Các đoàn thể Thanh-niên lập danh sách đoàn-tiền tình nguyện, chia thành toán chuyên môn để sẵn sàng lên đường khi cần thiết. Danh sách gửi lên Ban Tồ-chức để sắp đặt phương tiện chuyên vận càng sớm càng tốt.

2. **Đoàn cứu thương** : Do các nhân viên chuyên môn trong các đoàn thể góp lại. Xin ghi danh sách tại ban Tồ-chức kể từ chiều 16-11-64.

Sau khi nghe Đạo hữu An cho biết hiện tình về cuộc cứu trợ, các đoàn sống tác này sẵn sàng đi lên đường khi thuận tiện.

3. **Các sự giúp đỡ khác** : Đoàn thợ may xin cúng công may áo quần giúp đồng bào nạn thiên tai. Đoàn vận tải xe hơi xin giúp một vài phương tiện chuyên vận.

C. THỂ THỨC THẦU NHẬN :

Các Khuôn-hội, các đoàn thể, các trường học thầu và ghi trong một quyển sổ do ban Đại-diện cấp phát. Ban cứu trợ khi nhận, sẽ xuất biên lai cho Khuôn-hội hay đoàn thể. Tại mỗi Khuôn-hội mỗi đoàn thể, Ban Trị-sự Khuôn, ban Chấp-hành kiêm nhiệm ban cứu trợ tại đơn vị đề đến thầu nhận tại nhà hội hữu hay tại Niệm Phật-đường, tại chùa. Chậm lắm cuối bảy ngày, phải nộp về ban Cứu-trợ.

D. THỂ THỨC CẤP PHÁT :

Ban Đại-diện sẽ lên lạc với các Tỉnh góp nạn để biết sự thiệt hại trong tỉnh ấy. Sau đó, sẽ phối hợp với ban Đại-diện hay ban Cứu-trợ các Tỉnh ấy để phân phối. Một phát đoàn sẽ được thiết lập để đến tận nơi trao tặng.

Đ. BAN CỨU TRỢ :

Thành phần ban Cứu-trợ như sau :

Trưởng ban : Đại-đức Thích Thanh-Trí.

Phó Trưởng ban : Sư cô Thê-Tịnh

Đạo hữu Dương-dăng-Bàng

Thư ký : Nguyễn-khắc-Từ

Thủ quỹ : Đạo hữu Lan-Đình

Phó Thủ quỹ : Nguyễn-tám-Thăng

Liên lạc : Lê-dăng-Kế.

Ban Cứu-trợ bắt đầu làm việc vào ngày 16-11-64 và văn phòng đặt tại chùa Từ-dâm Huế.

E. TƯỜNG TRÌNH KẾT QUẢ :

Sau khi hoàn thành công tác, ban Cứu-trợ sẽ tường trình kết quả trước một hội nghị các Khuôn-hội và các đoàn thể Phật-tử.



Đề công cuộc cứu-trợ có kết quả. Ban Đại-diện thiết tha kêu gọi sự hưởng ứng của toàn thể Tăng, Tin-đồ trong tinh thần « máu chảy ruột mềm ».

Kính,

THÍCH ĐÓN-HẬU

TIN TRONG NƯỚC

**Đoàn Phụ-nữ Phật-tử thủ-đô
tổ-chức đêm hát lấy tiền lập
Chân-y-viện**

Nhằm mục đích lập Chân-y-viện tại Đô-thành Saigon, đoàn Nữ Phật-tử Thủ-đô đã tổ chức một đêm hát đặc biệt tại rạp Olympie, đường Hồng-thập-tự vào tối 5-11-64. Buổi hát đặc biệt này đoàn ca-kịch Kim-Chung trình diễn vở thi-ca kịch Trưng-dũng Hậu-sở-Vân.

**Giáo-hội Phật-giáo kỷ-niệm
cuộc Cách-mạng 1-11-1963**

Nhân dịp lễ kỷ-niệm cuộc Cách-mạng 1-11-1963, các cấp Tỉnh, Quận, Phường của Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất trên toàn quốc, ngoài việc tổ chức lễ cầu-siêu long trọng cho các Chiến-sĩ quí cố, còn vận động tổ chức các cuộc ủy lạo anh em Chiến-sĩ để tỏ lòng tri ân các Chiến-sĩ Quốc-gia.

Tại Thủ-đô Saigon, các ban Đại-diện Quận, Phường, Khóm đã phối hợp với các đoàn thể Phật-tử và Viện-Hóa-Đạo để tổ chức các cuộc ủy lạo nói trên.

Riêng tại Việt-Nam Quốc-tự, lễ cầu-siêu cho các Chiến-sĩ trận-vong trong ngày 1-11-63 đã được cử hành vô cùng trọng-thể. Đức Tăng-Thống Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất đã đích thân chủ lễ và toàn thể quý Thượng-tọa, Đại-jức Tăng Ni và hàng vạn Phật-tử đã tham dự buổi lễ.

**Thượng-tọa Thích-Thiện-Minh
tiếp xúc với các đoàn thể
Phật-tử Huế**

Nhân cuộc kinh lý Phật-sự miền

Trung, Thượng-tọa Thích Thiện-Minh Tổng-vụ-trưởng Tổng-vụ Thanh-niên Phật-tử đã tiếp xúc với trên 2.000 giáo-chức sinh-viên, học-sinh, thanh-niên và Già-dinh Phật-tử tại giảng đường chùa Từ-Đàm, lúc 16 giờ chiều 2-11-64.

Sau khi trình bày về tình hình Phật-sự của Giáo-hội qua các giai đoạn thăng trầm từ trước đến nay, Thượng-tọa nhấn mạnh đến việc dư-dăng Cầu-lao ăn núp trong các cơ cấu chính-quyền và đoàn-thể vẫn đang ngấm ngấm âm mưu phá hoại Phật-giáo bằng cách tung ra những tin đồn hoặc giả tạo tài liệu vu khống, xuyên tạc các cấp Phật-giáo, gây chia rẽ tôn-giáo v.v... Thượng-tọa kêu gọi toàn thể Phật-tử luôn luôn bình tĩnh trước những âm mưu thâm độc ấy và luôn luôn thật chặt tinh đoàn kết, nhất trí sẵn có trong mọi giới đồng bào, cùng quyết không nghe và nhắc lại những tin đồn vô căn cứ để đánh bạt những sự xuyên tạc, vu khống.

Sau hết, Thượng-tọa ân cần nhắc nhở toàn thể Phật-tử nên ngoài việc tu tâm dưỡng tánh, chăm lo luyện tập thể-dục và các môn vũ-thuật để tự vệ và gây phong-trào khỏe để phục vụ Đạo-pháp và Dân-tộc.

**Giờ phát-thanh hàng tuần
của tiếng nói Phật-giáo**

Tổng-vụ Hoàng-pháp GHPGVN TN vừa thông-cáo cho hay là kể từ chủ-nhật 15-11-1964, tiếng nói chính thức của Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất do Tổng-vụ Hoàng-pháp phụ-trách phát thanh hàng-tuần vào ngày chủ-nhật từ

8 giờ 30 đến 9 giờ sáng, trên các làn sóng thuộc hệ -thống A của đài phát thanh Saigon.

Ngoài ra, tiếng nói Phật-giáo ở các Tỉnh và Miền phát-thanh vào các ngày giờ sau :

— Tiếng nói Phật-Giáo do Giáo-Hội Phật -Giáo Thừa -thiền phụ trách, phát thanh hằng tuần vào mỗi tối chủ-nhật từ 20 giờ 45 đến 21 giờ 30, bắt đầu từ 29-11-1964 (thay vì từ 8 giờ sáng như trước).

— Tuyên-đức (Đalat) vào 9 giờ tối mỗi thứ hai.

— Quân-đội (Tuyên-úy Phật-giáo) Saigon lúc 12 giờ trưa mỗi chủ-nhật.

Xin tin đề toàn thể Phật-tử đón nghe.

Ngày giỗ đầu Học -sinh Nguyễn-Văn tú vì đạo

Sáng chủ-nhật 8-11-64, tại Việt-Nam Quốc-Tự (Saigon) đã cử hành lễ cầu-siêu nhân ngày tiêu -tưởng của học-sinh Phật-tử Nguyễn-Văn đã bỏ mình trong mùa Pháp - nạn năm ngoái. Nguyễn -Vấn đã tham gia cuộc biểu tình chống chế - độ bạo tàn Ngô-dinh-Diệm và bị công-an Diệm bắt rồi đánh tử thương. Chư Thượng - tọa ; Đại-đức Tăng Ni và hàng ngàn Phật-tử và đồng bào đã tham dự cuộc lễ này. Mọi người đều xúc động tưởng nhớ đến những trang thanh thiếu niên đã biết hy-sinh cho Đạo-pháp cho Dân-tộc như Nguyễn-Vấn, Quách - thị -Trang.

Khánh thành phòng Tuyên-Úy Phật-giáo Không-quân

Hồi 10 giờ sáng 7-11-64, Thượng tọa Thích Tâm-Giác, Giám-đốc Nha Tuyên-úy Phật-giáo đã hướng dẫn một phái đoàn đến thăm xá giao Thiếu-tướng Tư-lệnh Không-

quân và dự lễ khánh thành phòng Tuyên-úy Phật-giáo thuộc Không-quân.

Tháp tùng Thượng-tọa có Đại-đức Thanh-Long Trưởng phòng Giáo vụ, Đại-đức Tâm-Thành Trưởng ban xã-hội và Trung-úy Nguyễn-thuy-Hòa chánh văn phòng của Thượng-tọa.

Trong cuộc tiếp xúc với quý vị tướng lãnh, sĩ quan và anh em quân nhân Không-quân, Thượng-tọa Giám-đốc đã nói rõ bản phận của một quân nhân Phật-tử trong giai đoạn hiện tại, đồng thời minh xác vai trò của Tuyên-úy Phật-giáo là những người trung-gian đạo đạt ý nguyện của quân nhân lên cấp chỉ huy cũng như giải thích mọi thắc mắc về đời sống tâm linh của anh em.

Cũng trong buổi lễ này, Thiếu-tướng Nguyễn-cao-Kỳ, Tư -lệnh Không-quân, tự giới thiệu là một Phật-tử thuần thành và hứa sẽ giúp đỡ quân nhân Không-quân xây dựng một ngôi chùa xứng đáng với nền tín ngưỡng cổ truyền của Dân tộc, tại căn cứ, vì đa số quân nhân Không-quân là Phật-tử.

Lễ cầu siêu Anh-linh các liệt sĩ quân dân đã hy sinh cho Cách-mạng 11/11

Sáng 11-11-1964, tại Việt-Nam Quốc-tự, một buổi lễ cầu siêu cho các anh linh liệt-sĩ bỏ mình cho cuộc Cách-mạng 11-11-60 đã được cử hành vô cùng trọng thể với sự hiện diện đông đảo quýn thuộc các Liệt-sĩ, quan khách, đại diện tôn-giáo bạn, Phật-tử và đại diện các đoàn thể chánh trị v.v...

Buổi lễ cầu siêu do Thượng-tọa Thích Thiện-Hoa, chánh trụ-trì Việt-Nam Quốc-tự làm chủ lễ.

Thượng-tọa Giám-đốc Nha Tuyên-úy công tác tại Trung phần

Thượng-tọa Tâm-Giác Giám-đốc Nha Tuyên-úy cầm đầu một phái đoàn ra công tác tại Trung-phần, ngoài việc sắp đặt các phòng Tuyên-úy, Thượng-tọa còn kêu gọi quân nhân tham gia cứu trợ nạn lụt. Thượng-tọa ở lại Huế 3 ngày để tổng táng thầy Tuyên-úy Thích Chí-Thành, thăm viếng các cơ quan Phật-giáo và có dự bữa cơm thân mật tại Tòa soạn Liên-Hoa Nguyệt-san.

TIN THẾ - GIỚI

Tin Anh Quốc

Giáo-hội Tăng-già Anh Quốc đã được thành lập vào ngày 20 tháng 9-64. Và vị Tăng-Thống đầu tiên của Giáo-hội là Đại-đức Sanghara-kshita, vốn là Trụ-trì của chùa Tam-Thừa Cọng-Tiến ở Hy-mã Lạp-son. Đại-đức cũng được Giáo-hội ủy thác xây dựng Phật-học-viện để huấn luyện một số Sa-di người Anh trở nên Tỳ-kheo để cung cấp cho nhu cầu của nhiều hội Phật-giáo ở London cũng như các Tỉnh. Trụ sở của Giáo-hội được đặt tại một trong 2 ngôi chùa lớn tại London ở đối Haverstokk thuộc vùng Hampstead.

Tin Ấn-Độ

Theo nhật báo Searchlight ngày

6-9-64 thì tại nước A-phú-hân (Afghanistan) hai tượng Phật rất lớn, một tượng cao 53 và một 35 được tìm thấy trong một dãy núi và xung quanh hai tượng Phật có rất nhiều hang động. Ông Giám đốc Nha Khảo cổ Ấn-độ được chánh phủ A-phú-hân mời đến để khám sát. Sự kiện này chứng minh rằng xưa kia dân tộc A-phú-hân rất tôn sùng Phật-giáo. Và có lẽ Phật-giáo được truyền sang đây vào thời kỳ vua Asoka ở Ấn-độ.

Tin Ấn-Độ

Cũng nhật báo Searchlight ngày 11-9-64 cho biết tại một làng thuộc tiểu bang Madhya Pradesh, có một em bé gái nổi được tiếng Nhật-bản, trong khi cha mẹ nó cùng những người láng giềng không ai biết nói thứ tiếng này cả.

Một phái đoàn trong đó ông B. Ian Stevenson, Khoa trưởng khoa thần kinh và tâm lý học của Đại-học-đường Virginia đã đến tận nơi quan sát và chứng thật đây là một điều lạ mà chỉ có lý thuyết luân hồi mới giải thích được.

Đại-đức Kuang-Yi viếng thăm Đài-Loan

Đại-đức Kuang Yi-pháp-sư của Hội Thanh-niên Phật-tử Mã-Lai và Hội Cư-sĩ Phật-tử Tân-gia-ba đã đến Đài-Loan với một nhiệm vụ đặc biệt.

Nhiệm vụ này là trao lại y-bát do cố Đại-đức Hui-Chuan ở Phúc-Kiến trao cho Đại-đức Hsien* Tun ở Đài-bắc. Đại-đức Kuang-Yi là người đại-diện đặc biệt của Đại-đức Hung-Chuan Phó Chủ-tịch Tổng-hội Phật-giáo Tân-gia-ba. Đại-đức Hung-Chuan đã được cố Đại-đức Hui-Chuan giao phó công việc trao lại y-bát cho Đại-đức Hsien-Tun.

Trước kia Đại-đức Hui-Chuan là Hội-trưởng Hội Phật-giáo Phúc-Kiến, nơi đây Đại-đức Hsien-Tun là một học-tăng đã được Đại-đức Hui-Chuan cử làm Pháp-sư ở Đài-Loan.

Một nữ minh-tinh^h Miến-Điện xuất-gia

Win Min - Thaa, một nữ minh tinh Miến - Điện đẹp đẽ đã từng đóng phim với tài-tử Gregory Peck trong cuốn phim « Cánh đồng tím » quay tại Tích - Lan cách đây vài năm, hiện đã làm lễ cắt tóc và trở thành một Tỳ-kheo-ni.

Nữ minh tinh 32 tuổi này, thân phụ người Úc và thân mẫu người Miến-Điện, đã cắt tóc đen vàng của nàng dài đến tận gối của nàng, đang tìm sự an tâm và hạnh-phước.

Chồng nàng, Bo Setkya, một nhà lý tài giàu có đã trốn khỏi Miến - Điện sau vụ đảo chính của quân đội Miến hồi tháng 3-1962; tất cả tài sản của ông đã bị chính - phủ Miến tịch thu. Hai vợ chồng có một đứa con trai 9 tuổi.

Win Min-Thaa vào chùa ngày 17 tháng 6 đã qua và đã nhận pháp danh là Daw Wunthumalar.

Nàng nói chính nàng tự ý xuất gia, « tôi muốn gia công tu tập tham thiền » khi sinh ra nàng là Thiên-chúa-giáo, nhưng đến 18 tuổi thì nàng theo đạo Phật. Nàng nói muốn làm một Ni-cô để thực hành giáo lý Đức Phật, và không có cách gì khác hơn để cho nàng có thể tìm được châu hạnh phúc và an ổn của tâm hồn nàng.

Quan trọng của giáo-lý Phật-giáo

Trong dịp lễ Phật-dân tại Nữ-Uơe tổ chức dưới sự bảo trợ của Hội Phật-giáo HoaKỳ ông R.S.S. Guawardene đại-biêu thường xuyên của Tích-Lan tại Liên-hiệp-quốc đã nói với cử-tọa là giáo-lý đức Phật đây ý nghĩa và áp dụng được cho nhân loại ngày nay cũng như cách đây hàng trăm thế kỷ. Ông nói là một phần tư nhân loại khắp cùng thế-giới đã chọn Phật-giáo làm tín ngưỡng của họ. Lịch-sử của giáo hội này hoàn toàn khác hẳn với những giáo-hội khác. Nó đã không chủ trương một thánh chiến nào, một sự đàn áp nào, hay một tòa-án tên giáo nào; không khuyến khích dùng gươm đao bao giờ, cũng không dùng bạo lực bao giờ.

Phật-giáo là một tôn giáo phổ cập, không dành riêng cho một khí hậu, một dân tộc một quốc-gia đặc biệt nào, nó không có quan niệm

« một nước được chọn lựa » nào Đức Phật đã thuyết pháp cho tất cả nhân loại và những đệ-tử của Ngài không phân biệt và giới hạn chủng tộc, màu da, giai cấp hay quốc-gia nào cả.

Ba người Hoa-kỳ xuất gia

Tại New-Jersey (Hoa-kỳ) cách Нью-Йорк chưa đến 60 dặm, ba người Mỹ đoàn viên hội Thanh-niên Học sinh Thế giới đang tu học để trở thành tăng đồ Phật-giáo. Ba thanh niên Hoa-kỳ này tự nhận rằng họ tránh chủ nghĩa vật chất và sự trống rỗng của đời sống hiện đại. Họ đã từ bỏ gia đình trung lưu đầy tiện nghi của họ để gia nhập vào Tăng chúng với đời sống nghèo nàn, tu học và tham thiền. Người thứ nhất là Alexander A. Thurman 22 tuổi đã bỏ học Đại-học Harvard năm ngoái, người thứ hai là Christopher S. George 22 tuổi đã rời bỏ Đại-học-đường Yale để vào tu ở một ngôi chùa, và người thứ ba là Paul J. Hopkins 23 tuổi đã tốt nghiệp Đại-học Harvard.

Họ đã học hỏi Phật-giáo dưới sự chỉ dẫn của Đại-dức Geshe Wangyal, vị Lạt-ma 63 tuổi của Tu-viện Lạt-ma ở Hoa-kỳ, và của 5 vị sư Tây-Tạng đã tị nạn qua Hoa-kỳ hồi năm 1955 lúc Trung cộng xâm chiếm Tây-Tạng. Vị Lạt-ma nói rằng ba thanh niên đó là những người Hoa-kỳ đầu tiên

mà ông thấu nhận từ khi làm một vị sư đã 30 năm nay.

Ba người Hoa-kỳ đó đều thuộc gốc Thiên-chúa-giáo và là con của những gia đình xưa từ hồi Cộng Hòa Mỹ-Quốc.

Một tu viện sắp mở ở Hoa-Thịnh-Đốn

Vào mùa hè sang năm, một tu viện mới sắp được mở ở Hoa-thịnh-Đốn. Đại-dức Vinita Trụ-trì tại chùa Vajirama ở Colombo, Tích-lan, hiện đang ở tại tu-viện Phật-giáo Luân-đôn đã được mời quản-tị tu-viện mới này.

Người tảo đang chờ Đại-dức Vinita sang Hoa-thịnh-Đốn và chỗ của Đại-dức ở tu viện Luân-đôn sẽ do một Đại-dức của hội Maha Bồ-đề đảm nhận.

Mắt biểu đã được ghép trong dịp lễ Phật-đản

Hội cho mắt Tích-Lan đã tặng chính quyền Tân-gia-ba 8 con mắt trong dịp lễ Vesak (Phật-đản) để tỏ bày cử chỉ thiện chí, những con mắt này đã được ghép có kết quả mỹ mãn cho bốn người mù.

Ông Hudson Silva, Tổng-thư-ký Hội cho mắt, đã cho biết là chính quyền Tân-gia-ba đã báo tin sự thành công tốt đẹp trong việc ghép mắt cho bốn người mù.

Chính quyền Tân-gia-ba xin Tích-Lan gửi thêm cho mắt để dùng

vào việc mờ mắt ở Penang và Kuala-Lumpur, nhưng Hội chưa thể tăng thêm lúc này vì bệnh viện Colombo và các tỉnh hiện đang cần mắt.

Những bộ lạc Phật-giáo rời bỏ Tây-Tạng (Tibet)

Một bản báo cáo từ Gangtok thủ-đô xứ Sikkun gần Tây-Tạng cho hay bộ lạc Pamakoo ở dọc biên giới Đông bắc Tây-Tạng đã nổi lên chống đối Trung-cộng. Nhưng dân chúng Pamakoo, rất là thuần thành về Phật-giáo đã bắt đầu chống lại Trung-cộng. Hàng trăm người đã phải bỏ Tây-Tạng ra đi và đi ngang qua vùng biên giới Đông Bắc.

Một Niệm Phật Đường cho quân đội Tích-Lan

Một niệm Phật-đường cho quân đội đã được khánh thành trước cây Bồ-đề, tại Echelon Square, đại bản-doanh quân đội Tích-Lan Tu-lệnh quân đội, đại-tướng Udugama đã tuyên bố khánh thành Niệm-Phật-Đường trong khi dâng hoa và thắp đèn trên bàn thờ Phật. Trong Niệm-Phật-Đường này, có thờ tượng Phật 1th88, tạc theo hình tượng Phật có danh tiếng ở Anura-dhapura. Đại-đức Niwantidiya đã làm lễ chú tượng, có tất cả quân nhân và sĩ-quan ở Echelon Square dự lễ.

Được tin Thầy THÍCH-HUNG - THANH Trụ - Trì Chùa Phước - Điền, lâm bệnh tạ - thế, vào chiều ngày 8 tháng 10 năm Giáp-Thìn tại Chùa Phước - Điền Huế. Lễ An - táng cử hành vào lúc 12 giờ trưa ngày 17 tháng 10.



Cũng vào ngày 8-10, Thầy THÍCH - CHÍ - THÀNH Tuyên-Úy Phật-Giáo Trung Đoàn I và 2, Khu II Chiến Thuật, tử nạn xe hơi trên đường Công-tác từ Huế ra Quảng - Trị. Linh - cửu đặt tại Giảng - Đường Chùa Từ-Đàm Huế, lễ an-táng đã cử hành vào lúc 2 giờ chiều ngày 10 tháng 10 năm Giáp-Thìn.

Chúng tôi trân trọng loan báo cùng toàn thể Phật - Tử và thành kính cầu Chư Phật tiếp độ hai Thầy: SIÊU - ĐĂNG GIÁC - ĐẠ.

LIÊN-HOA N.S.

HỘP THƯ :

Yêu cầu quý độc-giả và đại-lý vui lòng thanh toán tiền Liên-Hoa năm Giáp-thìn, để chúng tôi có phương tiện in số tới. Rất cảm ơn.

Quý độc giả các tỉnh nhận từ số Tài-ngộ đến số 12 Giáp-thìn, thanh toán 160\$, từ số 1 đến số 12 là 120\$.

Quý độc-giả ở Huế nhận từ số Tài-ngộ đến số 12 Giáp-thìn thanh toán 150\$: từ số 1 đến số 12 là 110\$.

Các tỉnh xa gửi bưu phiếu. Ở Huế đến thanh toán và nhận biên lai tại Tòa-soạn 66 Chí-Lãng trong giờ làm việc.



* Quý vị độc-giả có tên sau đây vui lòng cho chúng tôi biết địa chỉ mới để gửi báo :

Ông Nguyễn-phú Cường
Ông Võ-Khang
Bình II Thái-lãng Phôi
Thầy Thích Pháp-Sieu
Bà Hà-thị Thiệt
Ông Nguyễn-phước Thanh-Phân
Cô Trần-thị Quỳnh-Trần
Ông Bùi-văn Vinh
Ông Võ-văn Hoặc
Bà Cao-huy Mỹ
Ông Phan-văn Đôn
Ông Lê-Cường
Ông Nguyễn-Khánh
Ông Nguyễn-văn Thù
Ông Nguyễn-xuân Trữ

* Độc-giả nào mỗi khi đổi địa chỉ xin tin cho Tòa-soạn biết gấp địa chỉ mới, để khỏi mất báo. Rất cảm ơn.

* Liên-Hoa từ số mới xuất bản đến nay hiện còn, hoặc độc giả nào muốn mua từ số Tài-ngộ, nghĩa là sau ngày 1-11-1963 đến trọn năm Giáp-Thìn (1964) xin liên lạc với Tòa-soạn, giá tiền số cũ hay mới vẫn mỗi số 10\$00.

L. H. N. S.

THÔNG-BẠCH

CỦA BAN TU-THƯ VIỆN CAO-ĐẲNG PHẬT-HỌC SAIGON

Kính gửi chư Thượng-tọa, Đạt-dức
và Phật-tử toàn quốc.

Công việc sưu tập tài liệu về lịch-sử và văn-học Phật-giáo Việt-Nam đang đòi hỏi một sự đóng góp của tất cả những ai có thiện tâm thiện-chí. Ban Tu-Thư Viện Cao-Đẳng Phật-Học thiết tha kêu gọi liệt vị ủng hộ cho công việc Văn-Học-Phật-Giáo bằng những phương tiện sau đây:

1.— Xin giữ gìn cẩn thận tất cả những giá trị lịch-sử của Phật-giáo Việt-Nam. Những tấm bia hiện đang dật dờ mưa nắng xin được che lạt, dù là bằng một hai tấm tranh hay tấm tôn.

Những sách xưa dù mục nát ít nhiều xin đừng hủy bỏ. Những ngôi cổ tháp và nếp kiến trúc xưa dù có hư hoại xin đừng phá dỡ để xây dựng lại, trước khi hỏi ý kiến của Văn-Mỹ-Nghệ-Vụ trong Tổng-Vụ Pháp-Sự.

2.— Gửi về tặng cho Ban Tu-Thư chúng tôi, hoặc bản chính hoặc bản sao tất cả những sách xưa, những di-tích Văn-Học và Sử-Học Phật-Giáo hiện Quý vị đang nắm giữ. Các tài liệu đó sẽ vô cùng quý giá. Sưu tập những bài thơ Hán hoặc Nôm, các bài kệ, các pháp ngữ của những vị Thiền Tăng và Cư-sĩ thuở trước, ghi chép những giai thoại, về các vị Cao Tăng, sao lại những tấm bia ký, hoành đối có giá trị Văn-Học và Lịch-sử Phật-giáo và gửi về cho chúng tôi.

3.— Gửi về cho Ban Tu-Thư xuất-bản những bản thảo mà quý vị chưa có dịp công bố. Vì tương lai Văn-Hóa Phật-Giáo, Ban Tu-Thư xin trân trọng cảm tạ liệt vị trước và thiết tha trông mong sự đóng góp của liệt vị.

Thư từ liên lạc, xin đề cho:

Cô PHAN THỊ THUẬN

Văn-Phòng Tu-Thư

Viện Cao-Đẳng Phật-Học

102/105 Phan-Thanh-Giàn — Saigon

MUỐN TRÉ EM MAU MẬP,
CHÓNG LỚN, ÍT ĐAU,

HÃY
DÙNG
SỮA
BỘT



CÓ BÁN